BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

BẢN MÔ TẢ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Công nghệ dệt may

Mã ngành: 7540204

(Ban hành theo Quyết định số 685/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 14/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)

Hà Nội – 2024

MỤC LỤC

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo 1

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo 1

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo 2

2. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường 2

2.1. Sứ mạng 2

2.2. Tầm nhìn phát triển 2

2.3. Giá trị cốt lõi 2

2.4. Triết lý giáo dục 3

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 3

3.1. Mục tiêu chung 3

3.2. Mục tiêu cụ thể: 3

4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo 3

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 3

4.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ 6

4.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp 6

4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường 6

4.5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo 6

5. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo 7

6. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam 8

7. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp 10

7.1 Thông tin tuyển sinh 10

7.2. Điều kiện tốt nghiệp 10

8. Chiến lược giảng dạy và học tập 10

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá 14

9.1. Các hình thức đánh giá 14

9.2 Điểm đánh giá học phần 16

9.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics) 18

9.4. Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs) 26

10. Cấu trúc chương trình đào tạo 26

10.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 155 tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC)) 26

10.2. Nội dung chương trình đào tạo 27

1. Pháp luật đại cương 27

1. Bố cục và nhịp điệu 31

2. Trang trí màu 31

3. Thực hành hình họa thời trang 31

4. Diễn họa thời trang 31

5. Thực hành thời trang nâng cao 1 31

6. Thực hành thời trang nâng cao 2 31

11. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) 33

12. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo 45

13. Mô tả tóm tắt học phần 46

14. Hướng dẫn thực hiện 72

14.1. Nguyên tắc chung 72

14.2. Kế hoạch đào tạo 73

15. Đánh giá và cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo 74

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 685/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 14/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào kỹ sư Công nghệ dệt, may là chương trình đào tạo cung cấp cho người học môi trường đào tạo tốt nhất để họ hình thành và phát triển toàn diện về thế giới quan, nhân sinh quan, phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm, năng lực nhận thức, đánh giá và ứng dụng tri thức chuyên môn cũng như các kỹ năng nghề nghiệp cơ bản để đạt được thành công trong lĩnh vực Dệt may, và các lĩnh vực khác liên quan, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Sinh viên ngành Công nghệ dệt, may được học kiến thức và rèn luyện tay nghề để trở thành Kỹ sư Công nghệ dệt, may có khả năng về: Nghiên cứu, tìm hiểu xu hướng mốt, sử dụng phương pháp đồ họa trên giấy và phần mềm tin học để sáng tác sản phẩm thời trang; có khả năng thiết kế trang phục từ sản phẩm đơn giản đến sản phẩm nâng cao; vận dụng các phương pháp thiết kế quần áo để hoàn thiện bộ mẫu sản xuất trong may công nghiệp; có khả năng xây dựng tài liêu kỹ thuật, tổ chức quản lý sản xuất, thiết kế và điều hành dây chuyền may; có khả năng xây dựng được quy trình công nghệ gia công sản phẩm, phương pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm, có khả năng vận dụng kiến thức đào tạo vào thực tế công tác; có năng lực tự nghiên cứu và điều hành các hoạt động chuyên ngành CNDM; có khả năng tiếp thu và phát triển các sản phẩm mới, khả năng làm việc nhóm, sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

Chương trình đào tạo kỹ sư Công nghệ dệt, may được thiết kế linh hoạt theo định hướng ứng dụng và phù hợp với các nhu cầu khác nhau của người học, nhu cầu của xã hội.

Với đội ngũ cán bộ giảng viên thuộc Khoa Dệt may và Thời trang có trình độ cao, nhiệt tình và giàu kinh nghiệm cùng với Cơ cở vật chất (phòng học, phòng máy tính, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, các thiết bị đa phương tiện…) của Khoa Dệt may và Thời trang được trang bị đầy đủ đáp ứng các yêu cầu của người học và chương trình, cũng như tạo môi trường học tập tốt nhất để người học tiếp thu, lĩnh hội, thực hành và phát triển năng lực và kỹ năng nghề nghiệp.

Chương trình đào tạo Kỹ sư ngành công nghệ Dệt, may đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vào năm 2020.

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, ban hành ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ GD&ĐT về "Quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ giáo dục đại học". Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã ban hành các văn bản về việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học để các Khoa làm cơ sở trong việc xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với mục tiêu, chiến lược đào tạo của Trường

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Công nghệ dệt, may
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Textile and Technology
3. Trình độ đào tạo:	Đại học
4. Ngành đào tạo:	Công nghệ Dệt, may
5. Mã ngành:	7540204
6. Thời gian đào tạo	4,5 năm
7. Loại hình đào tạo:	Chính quy
8. Tên văn bằng tốt nghiệp	Kỹ sư Công nghệ dệt, may
9. Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
10. Website	http://www.uneti.edu.vn
11. Khoa Quản lý CTĐT	Dệt may và Thời trang
12. Ngày tháng ban hành/cập nhật:	14/ 8/ 2024

2. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường

2.1. Sứ mạng

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ, thực hiện các chức năng giáo dục – đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước.

2.2. Tầm nhìn phát triển

Đến năm 2030 trở thành trường đại học định hướng ứng dụng uy tín, nằm trong nhóm các trường đại học ứng dụng hàng đầu của cả nước

2.3. Giá trị cốt lõi

Phát triển bền vững, coi trọng chất lượng, hiệu quả, luôn tự đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội. Lấy mục tiêu phát triển bền vững là nền tảng; Chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hướng tới; Đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội là phương châm hành động.

2.4. Triết lý giáo dục

"Học tập để kiến tạo tương lai"

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Dệt, may của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để phân tích, thiết kế, giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp, sử dụng các công cụ, phần mềm, thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong quá trình hoàn thiện các sản phẩm may và thời trang. Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực trong lĩnh vực may và thời trang. Sinh viên tốt nghiệp sẽ có định hướng nghề nghiệp rõ ràng cũng như khả năng tự học, đổi mới sáng tạo, khả năng giao tiếp, tư duy khởi nghiệp và tuân thủ trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề thuộc về lĩnh vực Dệt, may và thời trang trong doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị.

PO2: Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp rõ ràng, tư duy hệ thống, tư duy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp nhằm thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập.

PO3: Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm, khả năng làm việc độc lập; giao tiếp hiệu quả; khả năng tự học; tham gia vào các cơ hội học tập suốt đời và luôn cập nhật các xu hướng về thời trang, chất liệu, hoa văn và họa tiết, cũng như công nghệ mới nổi trong lĩnh vực dệt, may và thời trang.

PO4: Phát triển khả năng hình thành ý tưởng thiết kế, thiết kế mẫu thời trang, thực hiện và vận hành thiết bị trên dây chuyền may, thực hiện mẫu vẽ thành sản phẩm thực tế cũng như phát triển hệ thống hình ảnh quảng bá sản phẩm, sản xuất sản phẩm trong lĩnh vực dệt may và thời trang đảm bảo chất lượng, ứng dụng các công nghệ, thiết bị mới trong sản xuất may công nghiệp đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ Dệt, may có khả năng:

PLO1: Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, pháp luật trong bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp.

PI1.1. Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật trong lĩnh vực dệt may và thời trang.

PI1.2. Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, toán ứng dụng và định lượng trong lĩnh vực dệt may và thời trang phù hợp với bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp

PLO2: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn cơ bản liên quan đến lĩnh vực dệt may và thời trang.

PI2.1.Giải thích được tính chất cơ lý hóa và sử dụng của vật liệu dệt, yếu tố thẩm mỹ, từ đó lựa chọn được phương pháp nhận biết, sản xuất và đề xuất vật liệu phù hợp với sản phẩm may và thời trang

PI2.2. Áp dụng được kiến thức nhân trắc học để thiết kế trang phục phù hợp với cơ thể người, đáp ứng yêu cầu trong sản xuất may và thời trang

PI2.3. Áp dụng được kiến thức về vẽ kỹ thuật, công nghệ may, để xây dựng bộ tài liệu kỹ thuật, các bản vẽ hình họa thời trang trong lĩnh vực dệt may và thời trang

PI2.4. Áp dụng được kiến thức về thiết bị may, an toàn công nghiệp và môi trường để giải thích được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của máy móc thiết bị may công nghiệp, và an toàn trong quá trình sử dụng

PLO3: Vận dụng kiến thức ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong hoạt động nghề nghiệp của ngành công nghệ Dệt, may

PI3.1.Xây dựng được bản vẽ thiết kế các chi tiết quần áo, bản vẽ phác thảo thời trang đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật trong lĩnh vực dệt may và thời trang

PI3.2.Áp dụng được các kiến thức về tổ chức và quản lý sản xuất để lập kế hoạch, tổ chức, triển khai và quản lý sản xuất trong may công nghiệp.

PI3.3.Xây dựng được quy trình công nghệ gia công, công nghệ sản xuất các sản phẩm may và thời trang

PLO4: Ứng dụng các phần mềm chuyên ngành và những thành tựu mới về khoa học công nghệ trong hoạt động chuyên môn của ngành công nghệ Dệt, may.

PI4.1. Làm chủ được các phần mềm chuyên ngành để thiết kế sản phẩm, thiết kế mẫu kỹ thuật, thiết kế mẫu sản xuất trong may công nghiệp

PI4.2. Ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ mới để phát triển lĩnh vực công nghiệp Dệt, may như AI, IOT hỗ trợ thiết kế, kiểm soát máy móc, thiết bị, theo dõi và số hóa các hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả, xử lý các vấn đề trong sản xuất..

Định hướng đào tạo: Chuyên ngành Công nghệ may (Modul 1)

PLO5.01: Phân tích được các khối kiến thức chuyên ngành trong hoạt động nghề nghiệp để thiết kế quy trình công nghệ gia công và quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm may công nghiệp.

PI5.1.01. Có khả năng phân tích để hình thành ý tưởng thiết kế quy trình công nghệ gia công, công nghệ sản xuất sản phẩm may công nghiệp.

PI5.2.01. Có khả năng xây dựng bản vẽ thiết kế, nhảy mẫu, thiết kế mẫu kỹ thuật, thiết kế mẫu sản xuất, cho các sản phẩm may công nghiệp.

PI5.3.01. Có khả năng xây dựng tài liệu kỹ thuật, thiết kế và điều hành dây chuyền may, tính định mức nguyên phụ liệu, trong sản xuất may công nghiệp

PI5.4.01. Có khả năng thực hiện thành thạo kỹ thuật may một số loại sản phẩm thông dụng, quản lý chất lượng sản phẩm may một cách hiệu quả.

Định hướng đào tạo: Chuyên ngành Thiết kế thời trang (Modul 2)

PLO5.02: Có khả năng phân tích được các khối kiến thức chuyên ngành TKTT trong hoạt động nghề nghiệp để lên ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển quảng bá sản phẩm thời trang.

PI5.1.02. Có khả năng phân tích được các khối kiến thức chuyên ngành TKTT để hình thành ý tưởng khi thiết kế họa tiết vải, trang trí chất liệu, bộ sưu tập thời trang đáp ứng nhu cầu xã hội.

PI5.2.02. Có khả năng thiết kế các sản phẩm, bộ sưu tập thời trang đáp ứng nhu cầu xã hội.

PI5.3.02. Có khả năng làm chủ quá trình thực hiện từ phác thảo, may mẫu, trang trí, chỉnh sửa hoàn thiện các sản phẩm, bộ sưu tập thời trang đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật theo ý tưởng thiết kế.

PI5.4.02. Có khả năng thực hiện thành thạo hệ thống hình ảnh đồ họa quảng bá (bao gồm bích chương, sách ảnh) cho các sản phẩm, bộ sưu tập thời trang từ lên ý tưởng chủ đề đến thiết kế, chỉnh sửa và hoàn thiện.

PLO6: Có kỹ năng làm việc độc lập, phản biện, tự định hướng, thích nghi trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi để phát triển sự nghiệp trong lĩnh vực dệt may và thời trang.

PI6.1. Hình thành kỹ năng làm việc độc lập, tư duy phản biện khi giải quyết vấn đề về trong lĩnh vực dệt may và thời trang

PI6.2. Có khả năng định hướng nghề nghiệp, thích nghi trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi để phát triển sự nghiệp trong lĩnh vực dệt may và thời trang

PLO7: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ Tiếng Anh vào các hoạt động/lĩnh vực dệt may và thời trang (đạt bậc 3/6 Khung năng lực NN Việt Nam)

PI 7.1. Đọc, hiểu các tài liệu liên quan đến lĩnh vực dệt may và thời trang bằng tiếng Anh

PI 7.2. Nghe, nói tiếng Anh giao tiếp cơ bản phục vụ cho công việc

PLO8: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả; làm việc nhóm trong các hoạt động công tác chuyên môn.

PI 8.1. Giao tiếp hiệu quả dưới nhiều hình thức: văn bản, giao tiếp điện tử, bản vẽ kỹ thuật và thuyết trình

PI 8.2. Tổ chức và điều hành nhóm sáng tạo với sự cộng tác cao của các thành viên trong nhóm nhằm đạt được mục tiêu công việc

PI 8.3. Hiểu được trách nhiệm công việc được giao và đóng góp vào sự thành công của nhóm

PLO9: Lập kế hoạch công việc, tổ chức, giám sát, đánh giá,quản lý, truyền đạt, phổ biến các kiến thức về lĩnh vực dệt may và thời trang để khởi nghiệp và kinh doanh thành công;

PI 9.1 Có khả năng lập kế hoạch, tổ chức và giám sát, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực dệt may và thời trang, có cân nhắc đến các yếu tố văn hóa, xã hội, môi trường và kinh tế

PI 9.2 Thể hiện kỹ năng quản lý, truyền đạt để khởi nghiệp và kinh doanh thành công.

PL10: Nhận thức được tầm quan trọng của việc tự học tập và học tập suốt đời cũng như tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

PI10.1. Nhận thức được tầm quan trọng của việc tự học tập và học tập suốt đời

PI10.2. Thể hiện được trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp

4.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

4.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ dệt, may có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Nhân viên phòng thiết kế, phát triển mẫu, nhân viên phòng nghiên cứu phát triển sản phẩm may, nhân viên nghiên cứu phát triển họa tiết vải, xu hướng thời trang và ứng dụng thiết kế các sản phẩm thời trang theo xu hướng
- Nhân viên phòng quản lý chất lượng, nhân viên theo dõi đơn hàng, lập kế hoạch sản xuất, lập kế hoạch xây dựng hình ảnh quảng cáo sản phẩm thời trang, tổ trưởng các chuyền sản xuất;
- Chuyên viên tại các văn phòng đại diện, giáo viên dạy nghề tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp.
- Tự khởi nghiệp;
- Sau một khoảng thời gian có kinh nghiệm thực tế, và tự học nâng cao trình độ sinh viên có khả năng làm quản lý, điều hành các bộ phận và cơ sở sản xuất trong lĩnh vực dệt may và thời trang.

4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ, nghiệp vụ đáp ứng nhiệm vụ công việc được giao;
- Có khả năng theo học các chương trình sau đại học, học tập lên các trình độ cao hơn;

4.5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo

Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

5. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 1. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		**Chuẩn đầu ra của CTĐT**									
		PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Công nghệ dệt, may của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để phân tích, thiết kế, giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp, sử dụng các công cụ, phần mềm, thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong quá trình hoàn thiện các sản phẩm may và thời trang. Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực trong lĩnh vực dệt may và may và thời trang. Sinh viên tốt nghiệp sẽ có định hướng nghề nghiệp rõ ràng cũng như khả năng tự học, đổi mới sáng tạo, khả năng giao tiếp, tư duy khởi nghiệp và tuân thủ trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp.										
Mục tiêu cụ thể											
PO1	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề thuộc về lĩnh vực Dệt, may và thời trang trong doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị.	x	x								
PO2	Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp rõ ràng, tư duy hệ thống, tư duy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp nhằm thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập.									x	x
PO3	Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm, khả năng làm việc độc lập; giao tiếp hiệu						x	x	x		x

	quả; khả năng tự học; tham gia vào các cơ hội học tập suốt đời và luôn cập nhật các xu hướng về thời trang, chất liệu, hoa văn và họa tiết, cũng như công nghệ mới nổi trong lĩnh vực dệt, may và thời trang.										
PO4	Phát triển khả năng hình thành ý tưởng thiết kế, thiết kế mẫu thời trang, thực hiện và vận hành thiết bị trên dây chuyền may, thực hiện mẫu vẽ thành sản phẩm thực tế cũng như phát triển hệ thống hình ảnh quảng bá sản phẩm, sản xuất sản phẩm trong lĩnh vực dệt may và thời trang đảm bảo chất lượng, ứng dụng các công nghệ, thiết bị mới trong sản xuất may công nghiệp đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.			x	x	x					

6. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Bảng 2 Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	TCTN 3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	TCTN 4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	
	KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	

Bảng 3 Đối sánh giữa Chuẩn đầu ra của CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

CĐR theo Khung TĐQG / **Chuẩn đầu ra**	**Kiến thức**					**Kỹ năng**						**Mức tự chủ và trách nhiệm**			
	KT1	**KT2**	**KT3**	**KT4**	**KT5**	**KN1**	**KN2**	**KN3**	**KN4**	**KN5**	**KN6**	**TCTN1**	**TCTN2**	**TCTN3**	**TCTN4**
PLO1	x														
PLO2	x				x					x					
PLO3		x		x											x
PLO4			x												
PLO5		x	x			x			x	x				x	x
PLO6								x				x		x	
PLO7											x				
PLO8										x					
PLO9				x			x						x		x
PLO10												x		x	

7. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

7.1 Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thông báo và hướng dẫn của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (https://uneti.edu.vn/chuyen-muc/tuyen-sinh)

+ Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương.

+ Phương thức tuyển sinh: (theo quy định Bộ GDĐT)

7.2. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 09 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định trong Quy chế;

c) Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận ngoại ngữ, tin học theo quy định của Nhà trường với từng đối tượng và thời điểm;

đ) Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục – thể thao;

e) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

8. Chiến lược giảng dạy và học tập

Các chiến lược giảng dạy và học được thiết kế nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, cụ thể như sau**:**

Bảng 4. Các chiến lược và phương pháp dạy – học

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
1	Dạy học hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học	Phương pháp thuyết trình vấn đề (Problem Solving)	- GV đặt vấn đề - GV phát biểu vấn đề - GV giải quyết vấn đề theo 2 logic phổ biến: quy nạp hoặc diễn dịch.	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
			- Kết luận và thảo luận (nhấn mạnh, tổng kết, liên hệ, đánh giá, kiểm tra)	
		Phương pháp giải quyết vấn đề (Problem based learning)	- Đặt vấn đề (GV tạo tình huống bài học) - Giải quyết vấn đề (GV định hướng để SV đề xuất giải pháp và thực hiện); - Kết luận và vận dụng	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO9
		Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning)	- Lựa chọn đề tài (là trọng tâm bài học) - Chia nhóm (theo tổ hoặc theo danh sách hoặc theo thẻ bài) - Giao nhiệm vụ và giám sát nhóm làm việc - Trình bày và thảo luận	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO8
		Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (Thinkpair-share)	- GV đưa ra thảo luận - SV cùng đọc tài liệu hoặc suy nghĩ về chủ đề, sau đó các SV ngồi bên cạnh nhau có thể trao đổi với nhau về ý kiến và kinh nghiệm của mỗi người một khoảng thời gian nhất định (khoảng vài phút), sau đó chia sẻ với cả lớp	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO8

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
			- GV phân tích và tổng kết các nội dung về chủ đề	
2	Dạy học hướng phát huy tính tự học, tự nghiên cứu	Thảo luận (Seminar)	- Chuẩn bị (GV nêu tên chủ đề, phân công nhiệm vụ) - SV nghiên cứu và viết bài thuyết trình - Thực hiện (Bố trí không gian, GV giới thiệu và phổ biến yêu cầu của seminar, SV thuyết trình, tổ chức thảo luận) - Kết luận và mở rộng.	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO8
		Tự học (Selfstudying)	- Xác định mục tiêu học tập, nội dung cần học - Lập kế hoạch tự học - Thực hiện theo kế hoạch - Tự thể hiện (tự trình bày lại những KT, KN đã học được) - Thảo luận trước nhóm - Tự đánh giá và tự điều chỉnh - Tổng hợp và vận dụng - Làm bài tập về nhà	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO9 PLO10
3	Dạy học nâng cao năng lực kỹ năng thực hành, thực tập	Dạy học qua thực hành/thí nghiệm (Experiment)	- GV hướng dẫn về nội dung các bài thực hành	PLO2 PLO3 PLO4

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
			- SV thực hiện lặp lại tương tự - SV quan sát kết quả và phân tích kết quả	PLO5
		Dạy học qua tình huống (Case study)	- Đưa ra tình huống thực tế tại các doanh nghiệp/cơ sở thực tập - Nghiên cứu tình huống - Phân tích, xử lý tình huống - Báo cáo kết quả	PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO10
		Quan sát và trải nghiệm thực tế (Field trip)	- GV xác định mục tiêu, đối tượng, cách thức quan sát và trải nghiệm - SV thực hiện quan sát và trải nghiệm (tại cơ sở thực tập) - Phản hồi - Tổng kết và vận dụng	PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO10

Bảng 5. Mối liên hệ giữa các chiến lược giảng dạy và học với các PLO

Chiến lược và phương pháp dạy học			Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)									
	Chiến lược	**Phương pháp dạy học**	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
1	Dạy học hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo	Phương pháp thuyết trình vấn đề (Problem Solving)	x	x	x	x	x	x	x			
		Phương pháp giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x		x	

	của người học	(Problem based learning)										
		Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning)	x	x	x	x	x	x	x	x		
		Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (Thinkpair-share)	x	x	x	x	x	x	x	x		
2	Dạy học hướng phát huy tính tự học, tự nghiên cứu	Thảo luận (Seminar)	x	x	x	x	x	x				x
		Tự học (Selfstudying)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Dạy học nâng cao năng lực kỹ năng thực hành, thực tập	Dạy học qua thực hành/thí nghiệm (Experiment)		x	x	x	x					
		Dạy học qua tình huống (Case study)		x	x	x	x					x
		Quan sát và trải nghiệm thực tế (Field trip)		x	x	x	x					x

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

9.1. Các hình thức đánh giá

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác độ mức độ đạt được CĐR của học phần từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CĐR của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập được căn cứ theo Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 09 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Khoa Dệt may và Thời trang, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã phát triển và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Các phương pháp đánh giá này được thiết kế để đảm bảo không chỉ đánh giá kiến thức chuyên môn của sinh viên mà còn tập trung vào đánh giá thái độ và kỹ năng thể hiện rõ ràng trong CLOs.

Tùy theo chuẩn đầu ra của học phần, giảng viên sẽ lựa chọn các phương pháp đánh giá

phù hợp cho các điểm thành phần (điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần…). Sau khi sinh viên hoàn thành đủ số giờ lên lớp theo quy định của trường cho từng học phần sẽ tham dự kỳ thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận, trắc nghiệm hoặc vừa tự luận vừa trắc nghiệm, viết chuyên đề báo cáo (tiểu luận) môn học hoặc đồ án môn học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng:

Bảng 6. Các phương pháp đánh giá

TT	**Phương pháp đánh giá**	**Mô tả phương pháp đánh giá**
A	**Đánh giá quá trình (On going/Formative Assessment)**	Mục đích của đánh giá quá trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1
1	Đánh giá chuyên cần (Attendence Check)	*Mô tả phương pháp*: Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của người học trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp người học tiếp cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt, đúng đắn, chấp hành nội quy, nền nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo quy định. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubri 1
2	Đánh giá bài tập (Work Assiment)	*Mô tả phương pháp*: người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân và một nhóm người học được đánh giá theo tiêu chí cụ thể tùy giảng viên quy định. Việc đánh giá bài tập được thực hiện theo Rubric 2, Rubric 3
3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	*Mô tả phương pháp*: Trong một số học phần, người học được yêu cầu làm việc nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Việc đánh giá thuyết trình được thực hiện theo Rubric 4, Rubric 5, Rubric 6.
B	**Đánh giá tổng kết (Summative Assessment)**	Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá kết thúc học phần.
4	Kiểm tra viết (Written Exam)	*Mô tả phương pháp:* Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng

		trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.
5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	*Mô tả phương pháp:* Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.
6	Báo cáo, bài tập lớn, tiểu luận, đồ án (Written Report)	*Mô tả phương pháp*: người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ có trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong, Rubric 7, Rubric 8.
7	Đánh giá báo cáo thực tập (Internship Report)	*Mô tả phương pháp*: người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh,biểu đồ có trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 6, Rubric 7, Rubric 8, Rubric 9.
8	Đánh giá Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp (Graduation Thesis)	*Mô tả phương* pháp: Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận/đồ án bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 6, Rubric 7, Rubric 8, Rubric 9.

9.2 Điểm đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 60%) và điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy) (chiếm tỷ trọng 40%).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:

+ Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận

+ Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:

+ Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.

+ Số lần kiểm tra thường xuyên: tối thiểu là 1. Ngoài ra, Khoa, tổ chuyên môn có thể quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần cụ thể.

- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):

* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính:10 điểm.

* Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.

* Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính:6 điểm.

* Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính:4 điểm.

* Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính:2 điểm.

* Nghỉ học từ 50% trở lên: 0 điểm

Ghi chú:

+ Sinh viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

2) Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, thực tập:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) là điểm trung bình của các loại điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy.

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ: là điểm đánh giá các bài thực hành định kỳ trong quá trình giảng dạy, được tính hệ số 1.

Số điểm kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm chuyên cần:

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):

* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính:10 điểm.

* Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính:8 điểm.

* Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính:6 điểm.

* Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính:4 điểm.

* Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính:2 điểm.

* Nghỉ học từ 50% trở lên:0 điểm

+ Điểm chuyên cần có hệ số 1.

Ghi chú:

Sinh viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong Đề cương chi tiết của học phần.

9.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Rubric 1: Đánh giá điểm chuyên cần tham gia lớp học

Tiêu chí	**Xuất sắc 10 điểm**	**Tốt 8.0 điểm**	**Khá 6.0 điểm**	**Trung bình 4.0 điểm**	**Kém 2.0 điểm**	**Yếu 0 điểm**
Thời gian tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình	Nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 10% trở lên đến dưới 20% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 20% trở lên đến dưới 35% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 35% trở lên đến dưới 50% số tiết trong chương trình	Nghỉ học từ 50% trở lên số tiết trong chương trình

Rubric 2: Đánh giá bài tập

Tiêu chí	**Trọng số %**	**Tốt 8.5 – 10 điểm**	**Khá 6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình 4.0 – 6.4 điểm**	**Kém 0 – 3.9 điểm**
Phương pháp giải	30	Cách giải sáng tạo/nhiều cách	Đúng phương pháp	Đúng phương pháp nhưng chưa đến kết quả	Sai phương pháp (0 đ)
Lập luận	40	Lập luận có căn cứ khoa học vững chắc	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn 1 vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn sai sót quan trọng (tuỳ mức độ: 2.0-1.0 đ)	Phạm hơn 1 sai sót quan trọng/Không biết lập luận khoa học (0 đ)

Kết quả	15	Kết quả đúng	Kết quả có sai sót, ít ảnh hưởng	Kết quả sai sót ảnh hưởng nhiều (tuỳ mức độ: 1.0-0.5 đ)	Sai kết quả hoàn toàn do sai phương pháp (0đ)
Trình bày bài giải	15	Cẩn thận, rõ ràng	Khá cẩn thận, vài chỗ chưa rõ ràng	Tương đối cẩn thận, nhiều chỗ chưa rõ ràng	Cẩu thả và chưa rõ ràng (0đ)

Rubric 3: Đánh giá bài tập thực hành, thực tập

Tiêu chí	**Trọng số (%)**	**Tốt** **8.5 – 10 điểm**	**Khá** **6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình** **4.0 – 6.4 điểm**	**Kém** **0 – 3.9 điểm**
Thái độ tham dự	20	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Không tham gia thảo luận và chia sẻ
Kết quả thực hành, thực tập	40	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu
	30	Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh không rõ ràng
Báo cáo thực hành, thực tập	10	Đúng format và đúng hạn	Điểm tuỳ theo mức độ đáp ứng		

Rubric 4. Đánh giá THUYẾT TRÌNH (cá nhân)

Tiêu chí	**Trọng số (%)**	**Tốt** **8.5 – 10 điểm**	**Khá** **6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình** **4.0 – 6.4 điểm**	**Kém** **0 – 3.9 điểm**
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng

	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	20	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoàng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi

Rubric 5. Đánh giá THUYẾT TRÌNH (theo nhóm)

Tiêu chí	**Trọng số (%)**	**Tốt** **8.5 – 10 điểm**	**Khá** **6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình** **4.0 – 6.4 điểm**	**Kém** **0 – 3.9 điểm**
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng

	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoàng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

Rubric 6: Đánh giá PROJECT

Tiêu chí		Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham gia	Nêu ý tưởng	05	Tích cực tìm kiếm và chủ động đưa ra ý tưởng mang tính mới	Tìm kiếm và đưa ra được ý tưởng khá tốt	Chọn ý tưởng trong số được đề nghị	Không quan tâm lựa chọn ý tưởng
	Lập kế hoạch thực hiện	05	Hoàn toàn hợp lý, không cần điều chỉnh	Khá hợp lý, điều chỉnh chút ít theo góp ý	Chưa hợp lý, có điều chỉnh theo góp ý	Không hợp lý và không điều chỉnh theo góp ý
Quá trình thực hiện project	Giai đoạn chuẩn bị	10	Chuẩn bị tốt mọi điều kiện cho việc thực hiện project, có thể khởi động ngay	Chuẩn bị được đa số điều kiện cho việc thực hiện, có thể khởi động và bổ sung sau	Chuẩn bị được một số điều kiện cho việc thực hiện nhưng cần bổ sung thêm mới có thể khởi động	Không chuẩn bị được điều kiện nào
	Giai đoạn thực hiện	10	Thực hiện hoàn toàn đúng phương pháp	Thực hiện khá đúng phương pháp, sai sót nhỏ và có sửa chữa	Thực hiện tương đối đúng phương pháp, sai sót quan trọng và có sửa chữa	Thực hiện không đúng phương pháp, sai sót không sửa chữa
		10	Triển khai đúng kế hoạch	Triển khai khá đúng kế hoạch, có chậm trễ nhưng không gây ảnh hưởng	Triển khai tương đối đúng kế hoạch, có chậm trễ gây ảnh hưởng nhưng khắc phục được	Triển khai chậm trễ, gây ảnh hưởng không khắc phục được
	Mức độ đạt được mục	20	Ghi thang điểm cụ thể cho từng mục tiêu thành phần (ở mỗi giai đoạn của project)			

	tiêu thành phần		
Báo cáo kết quả	Nội dung báo cáo	10	- Báo cáo tiến trình thực hiện - Thuyết minh sản phẩm - Bài học rút ra
	Trình bày báo cáo	10	Sử dụng Rubric đánh giá thuyết trình
	Sản phẩm	20	Các tiêu chí chấm điểm sản phẩm và thang điểm chi tiết

Rubric 7. Đánh giá TIỂU LUẬN/Báo cáo thu hoạch

Tiêu chí		**Trọng số %**	**Tốt 8.5 – 10 điểm**	**Khá 6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình 4.0 – 6.4 điểm**	**Kém 0 – 3.9 điểm**
Cấu trúc		05	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý
Nội dung	Nêu vấn đề	10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề
	Nền tảng lý thuyết	10	Trình bày quan điểm lý thuyết phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết khá phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết tương đối phù hợp	Trình bày chưa rõ quan điểm lý thuyết phù hợp
	Các nội dung thành phần	40	Ghi thang điểm cụ thể cho từng phần nội dung			
	Lập luận	10	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo	Không chặt chẽ, logic

					gây ảnh hưởng	
Kết luận		15	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, fomat…)	Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán
	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing cẩu thả

Rubric 8: Đánh giá đồ án

Tiêu chí đánh giá	**Trọng số**	**Mô tả mức chất lượng**				**Điểm**
		Xuất sắc	***Tốt***	***Đạt yêu cầu***	***Chưa đạt***	
		9 – 10	7 - 8	5 - 6	0 - 4	
Hình thức báo cáo	**10%**	Đẹp rõ không lỗi chính tả	Đẹp rõ còn lỗi chính tả	Rõ còn lỗi chính tả	Đơn điệu, chữ nhỏ, nhiều lỗi chính tả.	
Nội dung báo cáo	**30%**	Đáp ứng tốt yêu cầu, có mở rộng, có trích nguồn	Đáp ứng tốt yêu cầu, có mở rộng.	Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu	Không đáp ứng được yêu cầu tối thiểu	
Kỹ năng trình bày	**10%**	Nói rõ, tự tin thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, giao lưu người nghe	Nói không rõ lời, thiếu tự tin, ít giao lưu người nghe	Nói nhỏ, thiếu tự tin, không giao lưu người nghe	
Trả lời câu hỏi	**20%**	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 câu hỏi	Trả lời đúng 1/2 câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 câu hỏi	

Tham gia thực hiện	**30%**	100% thành viên tham gia thực hiện/ trình bày	80% thành viên tham gia thực hiện/ trình bày	60% thành viên tham gia thực hiện/ trình bày	< 40% thành viên tham gia thực hiện/ trình bày	

Rubric 9: Đánh giá báo cáo chuyên đề SEMINAR (bài làm theo nhóm)

Tiêu chí	**Trọng số (%)**	**Mức chất lượng**			
		Tốt **8.5 – 10 điểm**	**Khá** **6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình** **4.0 – 6.4 điểm**	**Kém** **0 – 3.9 điểm**
Nội dung	40	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
Trình bày báo cáo	10	Mạch lạc, rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Thiếu rõ ràng
	10	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận không có căn cứ khoa học và logic
Tương tác với người nghe	10	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác
	10	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số các câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số các câu hỏi đặt đúng, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời sai đa số các câu hỏi đặt đúng

* Sự phối hợp trong nhóm	20	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

9.4. Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Bảng 5. Mối liên hệ giữa các PPKTĐG và học với các PLO

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
A	**Đánh giá quá trình**										
1	Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Đánh giá bài tập (Work Assiment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
B	**Đánh giá tổng kết**										
4	Kiểm tra viết, tự luận	x	x	x	x	x	x				x
5	Kiểm tra trắc nghiệm	x	x	x	x	x		x			x
6	Báo cáo, bài tập lớn, tiểu luận, đồ án	x	x	x	x	x	x		x	x	x
7	Đánh giá báo cáo thực tập	x	x	x	x	x	x		x	x	x
8	Đánh giá Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x		x	x	x

10. Cấu trúc chương trình đào tạo

10.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá: **155** tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: **48** tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: **107** tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* ***62** tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* ***36** tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* ***09** tín chỉ*

10.2. Nội dung chương trình đào tạo

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (48 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức 4TC GDTC, 8TC GDQP)*			**48**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mac - Lênin	LLCT & PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT & PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**14**		
001102	1. Xác suất thống kê	KHUD	3	(36,18, 90)	x
001103	2. Toán giải tích	KHUD	3	(36, 18, 90)	x
001053	3. Đại số tuyến tính	KHUD	2	(26, 8, 60)	x
000579	4. Hóa học	KHUD	2	(26, 8, 60)	x
000591	5. Vật lý	KHUD	4	(52, 16,120)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ *(chọn 5 TC trong các học phần)*		**5**		
001683	1. Tiếng anh chuyên ngành may	NN	2	(26, 8, 60)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002151	2. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT & PL	1	(15, 0, 30)	x
002154	3. Kỹ năng nghề nghiệp - CN Dệt, may	DMTT	1	(15, 0, 30)	x
002129	4. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT & PL	1	(15, 0, 30)	x
002068	5. Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	LLCT & PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 90)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 60)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 30)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 60)	x
2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (107 tín chỉ)			**107**		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		**26**		
000252	1. Kỹ thuật điện	Điện – TĐH	2	(26, 8, 60)	x
001263	2. Vẽ kỹ thuật	Cơ khí	3	(36, 18, 90)	x
000092	3. Vẽ mỹ thuật ngành may	BM TKTT	2	(26, 8, 60)	x
001121	4. Mỹ thuật trang phục	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
001550	5. Vật liệu may	BM Dệt	3	(39, 12, 90)	x
001056	6. An toàn công nghiệp và môi trường	BM CNM	2	(28, 4, 60)	x
001123	7. Thiết bị may công nghiệp	BM CNM	3	(39, 12, 90)	x
001682	8. Quản lý chất lượng trong may công nghiệp	BM CNM	2	(27, 6, 60)	x
000717	9. Hình họa thời trang	BM TKTT	2	(26, 8, 60)	x
001681	10. Công nghệ sản xuất sản phẩm may trong công nghiệp	BM CNM	2	(28, 4, 60)	x
000050	11. Thiết kế trang phục 1	BM CNM	2	(24, 12, 60)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	2.2. Kiến thức chung của ngành		**42**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		**33**		
002653	1. Thiết kế trang phục 2	BM CNM	2	(24, 12, 60)	x
002654	2. Công nghệ may 1: Công nghệ may áo sơ mi nam, nữ	BM CNM	2	(30, 30, 60)	x
001674	3. Thực hành 1 Cắt may áo sơ mi nam, nữ	BM CNM	4	(0, 160, 120)	x
001231	4. Tin ứng dụng chuyên ngành công nghệ may	BM CNM	3	(9, 72, 90)	x
001670	5. Thiết kế trang phục 5: Thiết kế mẫu trên manocanh	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
001671	6. Sáng tác mẫu thời trang	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
001669	7. Đồ án thiết kế thời trang	BM TKTT	2	(0, 120, 60)	x
001676	8. Công nghệ may 2: Công nghệ may quần âu nam, nữ	BM CNM	3	(36, 18, 90)	x
001673	9. Thực hành 2 Cắt may quần âu nam, nữ	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
001668	10. Thực hành 5 Sản phẩm thời trang	BM TKTT	3	(0, 120, 90)	x
001257	11. Thiết kế thời trang	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002424	12. Lập kế hoạch sản xuất may công nghiệp	BM CNM	2	(27, 6, 60)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 9TC trong các học phần)		**9**		
002118	12. Thực tập sản xuất 1	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
002119	13. Thực tập sản xuất 2	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
002120	14. Thực tập sản xuất 3	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
002400	15. Sáng tác mẫu thời trang trẻ em	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	
002423	16. Quản lý đơn hàng (Merchandising)	BM CNM	2	(27, 6, 60)	
000042	17. Marketing ngành may	BM CNM	2	(27, 6, 60)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng (chọn theo Modun)		**39**		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	2.3.1. ***Modun 1: Chuyên ngành Công nghệ may***		***39***		
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc		**19**		
001675	1. Công nghệ may 3: Công nghệ may áo jacket nam, nữ và áo veston nam	BM CNM	3	(39, 12, 90)	x
001307	2. Công nghệ may 4: Xây dựng tài liệu kỹ thuật cho mã hàng	BM CNM	2	(27, 6, 60)	x
001665	3. Thiết kế dây chuyền may công nghiệp	BM CNM	2	(24, 12, 60)	x
001126	4. Thiết kế trang phục 3	BM CNM	3	(36, 18, 90)	x
001664	5. Thiết kế trang phục 4: Thiết kế mẫu trong may công nghiệp	BM CNM	3	(36, 18, 90)	x
001376	6. Đồ án công nghệ may	BM CNM	2	(0, 120, 60)	x
001672	7. Thực hành 3 Cắt may áo Jacket nam, nữ	BM CNM	4	(0, 160,120)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 6TC trong các học phần)		**6**		
001667	1. Tổ chức quản lý sản xuất may công nghiệp	BM CNM	2	(24, 12, 60)	x
001886	2. Thực hành 4 Cắt may áo veston nam	BM CNM	4	(0, 160, 120)	x
002064	3. Thiết kế sản phẩm từ vải dệt kim	BM CNM	2	(24, 12, 60)	
002065	4. Công nghệ may sản phẩm dệt kim	BM CNM	2	(24, 12, 60)	
002066	5. Thực hành cắt may sản phẩm dệt kim	BM CNM	4	(0, 120, 90)	
000893	**Thực tập cuối Khóa**	**BM CNM**	**5**	**(0/300/0)**	**x**
001869	**Khóa luận tốt nghiệp ngành CN May**	BM CNM	**9**	(0/540/0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành công nghệ may (chọn 9TC trong các học phần)				
001663	1.Thực tập doanh nghiệp 1: Thực tập sản xuất may dây chuyền quần âu, áo sơ mi	BM CNM	3	(0, 180, 0)	
001662	2.Thực tập doanh nghiệp 2: Thực tập sản xuất may dây chuyền áo jacket nam, nữ	BM CNM	3	(0, 180, 0)	
001122	3. Sáng tác mẫu trên phần mềm tin học	BM CNM	3	(36, 18, 90)	
002401	4. Thực hành cắt may bộ veston nữ	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
002402	5. Thực hành cắt may cắt may áo dài nữ	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001128	6. Thực hành thiết kế mẫu trong may công nghiệp	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
	*2.3.2. **Modun 2: Chuyên ngành Thiết kế thời trang***		***39***		
	2.3.2.1. Kiến thức bắt buộc		**19**		
002403	1. Bố cục và nhịp điệu	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002404	2. Trang trí màu	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002405	3. Thực hành hình họa thời trang	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	x
002406	4. Diễn họa thời trang	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002407	5. Thực hành thời trang nâng cao 1	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	x
002408	6. Thực hành thời trang nâng cao 2	BM TKTT	4	(0, 120,120)	x
	2.3.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 6TC trong các học phần)		**6**		
002409	1. Đồ họa thời trang	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002410	2. Kỹ thuật sáng tác chất liệu	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
001122	3. Sáng tác mẫu trên phần mềm tin học	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	
001901	4. Sáng tác mẫu thời trang theo thương hiệu	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	
000014	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam	BM TKTT	2	(24, 12, 60)	
001903	6. Sáng tác mẫu trang trí vải	BM TKTT	2	(24, 12, 60)	
001904	7. Kỹ thuật trang trí vải	BM TKTT	2	(24, 12, 60)	
001905	8. Trang phục các dân tộc Việt Nam	BM TKTT	2	(24, 12, 60)	
000893	**Thực tập cuối Khóa**	BM TKTT	**5**	(0/300/0)	x
001869	**Khóa luận tốt nghiệp ngành CN May**	BM TKTT	**9**	(0/540,0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành thiết kế thời trang				
001663	1. Thực tập doanh nghiệp 1: Thực tập sản xuất may dây chuyền quần âu, áo sơ mi	BM TKTT	3	(0, 180, 0)	
002108	2. Thực tập sản xuất tại xưởng thời trang	BM TKTT	3	(0, 180, 0)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001661	3. Thực tập doanh nghiệp 3: Thực tập sản xuất may dây chuyền sản phẩm dệt kim dệt kim	BM TKTT	3	(0, 180, 0)	
002425	4. Sáng tác mẫu thời trang theo kỹ thuật làng nghề	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002426	5. Sáng tác mẫu thời trang bền vững	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002427	6. Sáng tác mẫu thời trang thể thao	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x

10.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

UNETI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

11. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

MA TRẬN KỸ NĂNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC HỌC PHẦN

Ngành: Công nghệ Dệt, may

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																													
						PLO1		PLO2				PLO3			PLO4		PLO5.1				PLO5.2				PLO6		PL07		PL08			PL09		PL10	
						PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 2.3	PI 2.4	PI 3.1	PI 3.2	PI 3.3	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1.01	PI 5.2.01	PI 5.3.01	PI 5.4.01	PI 5.1.02	PI 5.2.02	PI 5.3.02	PI 5.4.02	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2	PI 8.1	PI 8.2	PI 8.3	PI 9.1	PI 9.2	PI 10.1	P10.2
I	**Kiến thức giáo dục đại cương**																																		
1	001535	Triết học Mác-Lênin	3	BB	GDĐC	I	I																												
2	001536	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	BB	GDĐC	I	R	I	R	R																									
3	001537	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	BB	GDĐC	I	I																												
4	000573	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	BB	GDĐC	I	I																												
5	001538	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	BB	GDĐC	I	I																												
6	000585	Pháp luật	2	BB	GDĐC	I	R	I	R	R																									

		đại cương																																			
7	001102	Xác xuất thống kê	3	BB	GD ĐC	I	I	I	R	R	R																									
8	001103	Toán giải tích	3	BB	GD ĐC	I	I	I	R	I	R																									
9	001053	Đại số tuyến tính	2	BB	GD ĐC	I	I	I	R	I	R																									
10	000579	Hóa học 1	2	BB	GD ĐC	I	I	R	I	R											I															
11	000591	Vật lý	4	BB	GD ĐC	I	I	R	I	R											I															
12	001942	Tiếng Anh 1	4	BB	GD ĐC																					I	I	I	I	I						
13	001943	Tiếng Anh 2	4	BB	GD ĐC																					I	I	I	I	I						
14	001944	Tiếng Anh 3	4	BB	GD ĐC																					R	R, A	I	I	I						
15	001945	Tiếng Anh 4	4	BB	GD ĐC																					R	R, A	I	I	I						
16	002151	Kỹ năng nhận thức năng lực bản thân	1	BB	GD ĐC																			I	I			I	I	R	R	R	I	I		
17	002154	Kỹ năng nghề nghiệp - CN Dệt, may	1	BB	GD ĐC																			I	I			R	R	R	R	R	R	R		
18	002129	Kỹ năng Phỏng vấn xin việc (KHCB +	1	BB	GD ĐC																			R	R			I	I	I			R			

		Chuyên gia)																																		
19	002068	Kỹ năng khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	BB	GDĐC																				R	R						R	R		
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																																				
II.1. Kiến thức cơ sở ngành																																				
28	000252	Kỹ thuật điện	2	BB	CSN					R									I	I																
29	001263	Vẽ kỹ thuật	3	BB	CSN					R		R		I					I	I		I														
30	000092	Vẽ mỹ thuật ngành may	2	BB	CSN			I		I		I									I							I								
31	001121	Mỹ thuật trang phục	3	BB	CSN			I	I	I		I									I	I						I			I					
32	001550	Vật liệu may	3	BB	CSN			R				R		R			R	R	R	R	I	I	I										R	R		
33	001056	An toàn công nghiệp và môi trường	2	BB	CSN						R		I						I	I											I		R	R		
34	001123	Thiết bị may công nghiệp	3	BB	CSN						R, A		R	R			R		R	R											I		R	R		
35	001682	Quản lý chất lượng trong may công nghiệp	2	BB	CSN			I					R			I				R, A													R	R		

36	000717	Hình họa thời trang	2	BB	CSN			I	R	I	R										I	I						I						R	R
37	001681	CN sản xuất sản phẩm may trong CN	2	BB	CSN			I		R	I		I	R			I													I	I		I	I
38	000050	TKTP 1	2	BB	CSN				M									M							M								R	R
II.2. Kiến thức chung của ngành																																					
39	000051	TKTP 2	2	BB	KTN				I			R, A													R								R	R
40	001677	CN1: CNmay áo SM nam, nữ	2	BB	KTN			I		R, A		I		R, A			R, A		I	I														
41	001674	TH1: TH cắt may áo sơ mi nam, nữ	4	BB	KTN			I		R	I			I			I	I	I	I, A														
42	001231	Tin ứng dụng chuyên ngành CNM	3	BB	KTN			I	I	R		R, A			R, A	R, A		R	R														R	R
43	001670	TKTP 5: TKmẫu trên manocanh	3	BB	KTN			R	I			R		I								R	I		I			R						I
44	001671	Sáng tác mẫu thời trang	3	BB	KTN				R	R		R		I							I	R	R	I	I			R						R

45	001376	Đồ án thiết kế thời trang	2	BB	KTN			I	R	R		R	I	R							R	R	R	I	R	R			R			R		I	R
46	001676	CNM 2: CNmay QA nam, nữ	3	BB	KTN			I		R				R, A											R				R					R	R
47	001673	TH2 2: Thực hành cắt may quần âu nam, nữ	3	BB	KTN					R	I			R							R, A				R									R	R
48	001668	TH5: TH sản phẩm thời trang	3	BB	KTN			R	R	R		R	R	R								R	R	R	R	R	R			R	R	R	R	I		I
49	001257	TK thời trang	3	BB	KTN				I			I										I	I	I	I	I				I						I
50	002424	Lập kế hoạch sản xuất MCN	2	BB	CSN								R																				I		I	I
51	002118	TT sản xuất 1	3	BB	KTN																R, A					R, A						R				
52	002119	TT sản xuất 2	3	BB	KTN																R, A					R, A						R				
53	002120	TT sản xuất 3	3	BB	KTN																R, A					R, A						R				
II.3.Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng (chọn theo Modul)																																					
	Modul 1: Chuyên ngành Công nghệ may																																				

54	001675	CNM 3: CNM áo jacket nam, nữ và áo veston nam	3	BB	CSN			I		R, A		I		R, A			R, A																					R	R
55	001307	CNM4 Xây dựng tài liệu kỹ thuật mã hàng	2	BB	CSN			R		R, A		R		R					R, A					R		R											R	R
56	001665	Thiết kế dây chuyền may công nghiệp	2	BB	CSN						I		R			I			R, A																		I	I
57	001126	TKTP 3	3	BB	CSN			I	R, A			R, A						R, A																				I	I
58	001664	TKTP 4:Thiết kế mẫu trong may công nghiệp	3	BB	CSN								R					R, A							R		R										I	I
r	001376	Đồ án công nghệ may	2	BB	CSN			R	R	R	R	R	R	R, A	R		R	R, A	R, A	R, A					R	R	R					R		R	R
60	001672	Thực hành 3: Thực hành cắt may áo Jacket nam, nữ	4	BB	CSN			I		R	I			I			I	I	I	R, A																R	R

61	001667	Tổ chức quản lý sản xuất may công nghiệp	2	BB	CSN									M,A			I																	R		I	I
62	001886	TH4: TH cắt may áo veston nam	4	BB	CSN																R,A					R,A										I	I
63	000893	Thực tập cuối Khóa	5	BB	CSN						R		R	R	R	R	R	R	R	R					R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R
64	001869	Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành CN may	9	BB	CSN											R	R,A	R,A	R,A								R,A							R		I	I
		Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành công nghệ may																																					
65	002401	TH cắt may bộ veston nữ		BB	CSN			I		R	I			I			I	I	I	R,A							R								R	R
66	002402	TH cắt may cắt may áo dài nữ		BB	CSN			I		R	I			I			I	I	I	R,A															R	R
67	001128	TH thiết kế mẫu trong may công nghiệp		BB	CSN			I		R	I			I			I	I	I	R,A							R								R	R
		Modul 2: Chuyên ngành Thiết kế thời trang																																					

54	002403	Bố cục và nhịp điệu	3	BB	MĐ 2.CN			I	R			R										R	R	R		R	R			R						
55	002404	Trang trí màu	3	BB	MĐ 2.CN			I				R			R							R	R	R		R	R			R						
56	002405	TH hình họa thời trang	3	BB	MĐ 2.CN				R	I													R			R	R			R			R			
57	002406	Diễn họa thời trang	3	BB	MĐ 2.CN				R	I												R	M		R	R	R			R						
58	002407	Thực hành thời trang nâng cao 1	3	BB	MĐ 2.CN				R	R		R	R	R								M, A	M, A	M, A	M, A	R	R			R			R	R	R	R
59	002408	Thực hành thời trang nâng cao 2	4	BB	MĐ 2.CN				R	R		R	R	R								A	A	A	A	R	R			M			R	R	R	R
		Kiến thức tự chọn (chọn 6TC trong các học phần)																																			
60	002409	Đồ họa thời trang	3	TC	MĐ 2.CN																	R	R	R	M, A	R				R						
61	002410	Kỹ thuật sáng tác chất liệu	3	TC	MĐ 2.CN										R							R	R	M													

62	001122	Sáng tác mẫu trên phần mềm tin học	3	TC	MĐ2.CN										R							R													
63	001901	Sáng tác mẫu thời trang theo thương hiệu	3	TC	MĐ2.CN																R	R		R											
64	000014	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	TC	MĐ2.CN																R											R			
65	001903	Sáng tác mẫu trang trí vải	2	TC	MĐ2.CN																R	R													
66	001904	Kỹ thuật trang trí vải	2	TC	MĐ2.CN																R	R													
67	001905	Trang phục các dân tộc Việt Nam	2	TC	MĐ2.CN																R											R			
68	**000893**	**Thực tập cuối Khóa**	5	BB	MĐ2.CN																				**R**	**R**			**R**			**R**	**R**	**R**	R
69	**001869**	**Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành thiết kế**	9	BB	MĐ2.CN																**A**	**A**	**A**	**A**	**M**	**M**			**M**	**M**	**M**	**M**	**M**	**M**	M

		thời trang																																				
		Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành thiết kế thời trang																																			
1	001663	TTDN 1: TT sản xuất may dây chuyền áo sơ mi, quần âu nam, nữ thời trang			MĐ 2.CN																				R	R			R	R	R	R	R	R	R		
2	002108	TTDN 2: TT sản xuất may dây chuyền Jacket nam và nữ			MĐ 2.CN																				R	R			R	R	R	R	R	R	R		
3	001661	TTDN 3: Thực tập sản xuất may dây chuyền áo váy, veston nam, nữ			MĐ 2.CN																				R	R			R	R	R	R	R	R	R		
4	002425	Sáng tác mẫu thời trang			MĐ 2.CN							R									M	M	R	R													

		theo kỹ thuật làng nghề																																	
5	002 426	Sáng tác mẫu thời trang bền vững			MĐ 2.CN							R									R	M	R	R											
6	002 427	Sáng tác mẫu thời trang thể thao			MĐ 2.CN							R									R	M	R	R											
Modul 1		**Mức I**				11	9	18	7	5	5	5	3	5	0	3	3	2	6	5					5	2	2	2	10	6	6	5	1	10	12
		Mức R				0	2	7	7	20	5	11	8	12	3	3	7	7	8	11					15	6	7	3	6	3	7	9	4	16	17
		Mức M				0	0	0	7	0	6	0	1	0	0	0	0	1	0	0					1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Học phần đóng góp				11	11	25	7	25	7	16	12	17	3	6	10	10	14	16					21	8	9	5	16	9	13	14	5	26	29
		Học phần dùng để đánh giá PI				0	0	0	7	3	8	3	1	4	1	1	3	4	4	9					4	0	1	2	0	0	0	0	0	0	0
		Học phần dùng để đánh giá PLO				**0**		**10**				**8**			**2**		**20**								**4**		**3**		**0**			**0**		**0**	
Modul 2		**Mức I**				11	9	23	7	7	8	5	3	8	0	3					8	5	3	3	5	2	2	2	10	6	6	5	1	10	12
		Mức R				0	2	7	7	25	8	17	10	14	6	3					13	13	8	5	26	16	9	3	16	6	10	18	10	25	26
		Mức M				0	0	0	7	0	8	0	1	0	0	0					2	4	2	2	2	1	0	0	2	1	1	1	1	1	1
		Học phần đóng góp				11	11	30	7	32	8	22	14	22	6	6					23	22	13	10	33	19	11	5	28	13	17	24	12	36	39
		Học phần dùng để đánh giá PI				0	0	0	7	3	8	3	1	4	1	1					1	1	1	2	4	0	1	2	0	0	0	0	0	0	0
		Học phần dùng để đánh giá PLO				**0**		**10**				**8**			**2**						**5**				**4**		**3**		**0**			**0**		**0**	

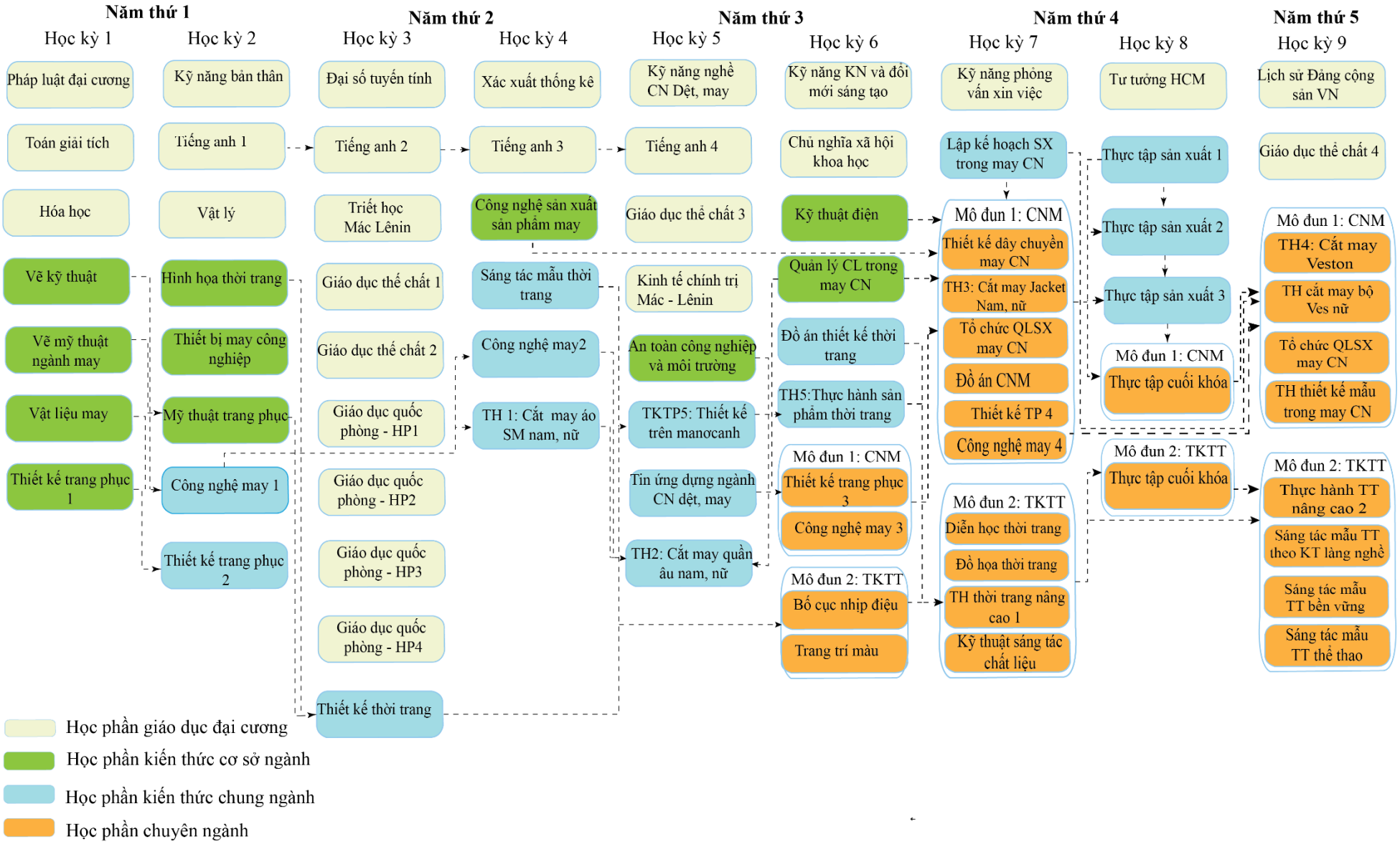
Ghi chú: Đánh giá mức độ đóng góp, hỗ trợ của các học phần vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT theo một trong 3 mức:

- I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được chuẩn đầu ra và ở mức giới thiệu/ bắt đầu;
- R (Reinforced) Học phần có hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức cao hơn mức bắt đầu. Ở các học phần này, người học có nhiều cơ hội thực hành, thí nghiệm, thực tế…

- M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt CLO (CĐR học phần) hoặc học phần này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng - PI của PLO hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo toàn bộ PLO đó.
- A (Assessed): Học phần cốt lõi (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO/PI) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI
- Ký hiệu Khối kiến thức

Kiến thức giáo dục đại cương	GDĐC
Kiến thức bổ trợ	KTBT
Kiến thức cơ sở ngành	CSN
Kiến thức chung của ngành	CCN
Kiến thức chuyên ngành	CN
Modul 1	MĐ1.CN
Modul 2	MĐ2.CN
Modul 3	MĐ3.CN
Modul 4	MĐ4.CN

12. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo



13. Mô tả tóm tắt học phần

Kiến thức giáo dục đại cương (48 TC)

1. Triết học Mác-Lênin **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (33, 24, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Triết học Mác - Lênin là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy đầu tiên trong những môn thuộc hệ thống các môn khoa học Mác - Lênin, như môn học Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam. Học phần từng bước trang bị cho sinh viên thiết lập được thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo. Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra

2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (21, 18, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin thuộc Bộ môn Nguyên lý chủ nghĩa Mác- Lênin, được xây dựng theo chương trình lý luận chính trị mới của Bộ Giáo dục & Đào tạo năm 2019, nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức của kinh tế chính trị Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Học phần giúp sinh viên có khả năng hiểu, phân tích những vấn đề lý luận cơ bản như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa hiện, đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam…

Ngoài ra, học phần cũng hướng tới việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo của nhà trường. Chủ động sáng tạo trong công việc, khắc phục tư tưởng bảo thủ trì trệ. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (21, 18, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Cung cấp cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930) và quá trình lãnh đạo cách mạng từ 1930 đến nay, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới. Được thể hiện ở các nội dung: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

6. Pháp luật đại cương **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo sinh viên đại học. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, kiến thức cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật của nhà nước Việt Nam: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân - gia đình và Luật Lao động.

7. Xác suất thống kê **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36, 18, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Xác suất thống kê là học phần cơ sở của chương trình đào tạo đại học các ngành Kỹ thuật và Kinh tế. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thiết, hồi quy và tương quan.

8. Toán giải tích **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36, 18, 45, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Toán giải tích là một học phần của Toán cao cấp, đề cập đến các vấn đề cơ bản về giải tích toán học như hàm nhiều biến, phương trình vi phân, chuỗi số và chuỗi hàm, tích phân bội, tích phân đường và tích phân mặt. Đây là môn học giúp sinh viên phát triển tư duy logic, phương pháp suy luận đồng thời trang bị lượng kiến thức cơ sở quan trọng giúp sinh viên các ngành kỹ thuật và công nghệ học tốt các môn toán chuyên đề và các môn học chuyên ngành sau này.

9. Đại số tuyến tính **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Đại số tuyến tính là một trong những học phần bắt buộc của kiến thức giáo dục đại cương theo khung chương trình đào tạo. Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở về toán học làm nền tảng cho các môn học chuyên ngành về sau. Nội dung học phần được chia thành 5 chương với 2 tín chỉ (Chương 1: Ma trận và định thức; Chương 2: Hệ phương trình tuyến tính; Chương 3: Không gian véc tơ; Chương 4: Ánh xạ tuyến tính; Chương 5: Giá trị riêng, véc tơ riêng và dạng toàn phương).

10. Hóa học cơ bản **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo đại học ngành dệt may. Học phần trang bị cho người học những kiến thức về cơ sở lý thuyết hóa học đại cương vô cơ, kiến thức cơ bản của hóa hữu cơ, tính chất lý hóa, điều chế các hợp chất mạch hở, mạch vòng; các khái niệm mở đầu về hóa học polyme, các biến đổi hóa học polyme, các phương pháp tổng hợp polyme.

11. Vật lý đại cương
Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48, 24, 60, 120)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Vật lý đại cương là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo ngành Công nghệ May. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng nền để tiếp cận các kiến thức chuyên ngành. Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của vật lý về các phần Cơ, Nhiệt, Điện, Quang và Dao động sóng. Hướng dẫn cho sinh viên nắm vững và hiểu rõ ý nghĩa của các đại lượng vật lý, nắm vững các định lý và các định luật vật lý có thể giải thích các hiện tượng và có khả năng giải quyết các bài toán thực tế cụ thể.

12. Tiếng Anh 1 **Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) Học phần tiếng Anh 1 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp. Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực. Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn. Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

13. Tiếng Anh 2 **Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 275

- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) Học phần tiếng Anh 2 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp. Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực. Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết ế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn. Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

14. Tiếng Anh 3 **Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Tiếng Anh 1, Điểm TOEIC đầu vào ≥ 350

- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1-2.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) Học phần tiếng Anh 3 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp. Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực. Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn. Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

15. Tiếng Anh 4 **Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Tiếng Anh 2, Điểm TOEIC đầu vào ≥ 425

- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1,2,3

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 4 là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nâng cao, giúp sinh viên phát triển khả năng tư duy theo các chủ đề, khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, tạo nền tảng cho việc phát triển nghề nghiệp tương lai. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). Học phần tiếng Anh 4 giúp người học phát triển các khối kiến thức nâng cao về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp. Mô hình bài học thực tế giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp như thuyết trình hội họp, đàm phán, điện thoại và giao tiếp xã hội. Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên tư duy và giải quyết vấn đề một cách chủ động. Từ vựng

được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Ngữ pháp tổng hợp của từng bài.

16. Kỹ năng nhận thức năng lực bản thân **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1(15, 0, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kỹ năng nhận thức bản thân là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần giúp cho sinh viên có sự hiểu biết chính xác về bản thân, bao gồm ưu điểm và khuyết điểm, tư duy, cảm xúc và những động lực thúc đẩy bản thân trong cuộc sống.

Kỹ năng này giải thích những thành công cũng như những thất bại của chúng ta, cho chúng ta biết chúng ta là ai và chúng ta cần gì từ đồng đội của mình để tạo nên một tập thể đoàn kết. Kỹ năng nhận thức bản thân sẽ giúp chúng ta nâng cao khả năng tự nhận thức của bản thân đối với công việc và cuộc sống cá nhân.

17. Kỹ năng nghề nghiệp - CN Dệt, may **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1(15, 0, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Kỹ năng nhận thức năng lực bản thân

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kỹ năng nghề công nghệ dệt, may là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về công nghệ sản xuất sản phẩm trong may công nghiệp, quản lý chất lượng trong may công nghiệp, phân công lao động và cân bằng dây chuyền may.

18. Kỹ năng phỏng vấn xin việc **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1(15, 0, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kỹ năng phỏng vấn và tìm việc hiệu quả là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành kế toán và tài chính ngân hàng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức của kỹ năng phỏng vấn và tìm việc hiệu quả như: (Khái niệm, tầm quan trọng, nguyên nhân, qui trình, nguyên tắc, yêu cầu, kỹ thuật viết CV, kỹ thuật trả lời câu hỏi, các dạng câu hỏi trong phỏng vấn) và các kỹ năng cơ bản gồm kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và viết CV; Kỹ năng chuẩn bị cho bản thân khi phỏng vấn; Kỹ năng trả lời câu hỏi hiệu quả**;** kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng tự học, kỹ năng nghiên cứu vấn đề.

19. Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1(15, 0, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về khởi nghiệp, sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thế mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.

20. Giáo dục thể chất 1 **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 1 (điền kinh 1) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Lịch sử hình thành và phát triển môn điền kinh, thể dục cơ bản; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý chấn thương trong thể thao. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện nội dung chạy ngắn. Kỹ năng vận động môn chạy ngắn (100m), thể dục tay không 45 động tác, bài tập bổ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy ngắn, phát triển thể lực ; phát triển thể lực chung và chuyên môn chạy ngắn.

21. Giáo dục thể chất 2 **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 2 (điền kinh 2) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng của chạy bền đối với sức khỏe con người; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý những phản ứng sinh lý xấu khi tập luyện chạy bền. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện chạy cự ly trung bình (800m-nữ, 1500m- nam). Kỹ năng vận động chạy cự ly trung bình, thể dục tay không 40 động tác, bài tập bổ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy cự ly trung bình, phát triển thể lực; phát triển thể lực chung.

22. Giáo dục thể chất 3 **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 3 (cầu lông 1) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Biết lợi ích tác

dụng của tập luyện cầu lông, một số điều luật thi đấu cầu lông. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện kỹ thuật cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đánh cầu bên phải, trái thấp tay, phát cầu trái tay, phát cầu thuận tay. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông. Học phần này là tiền đề để giảng dạy và học tập học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2).

23. Giáo dục thể chất 4 **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 3 (bóng đá 1) nằm trong phần tự chọn của các học phần GDTC. Cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản về bóng đá, hình thành thói quen luyện tập kỹ thuật dẫn bóng luồn cọc, kỹ thuật dẫn bóng có cọc hoặc không có cọc, kỹ thuật đá bóng bằng lòng chân để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

24. Giáo dục quốc phòng HP 1 **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (37, 16,90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt nam là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức chung nhằm trang bị những hiểu biết cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân, có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự, kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.

25. Giáo dục quốc phòng HP 2 **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (22, 16, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Giáo dục quốc phòng HP 1

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng, chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường, an toàn giao thông, xâm hại danh dự, nhân phẩm của

người khác, vi phạm pháp luật trên không gian mạng và an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

26. Giáo dục quốc phòng HP 3 **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (7, 16, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Giáo dục quốc phòng HP 1, HP 2.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần 3. Quân sự chung gồm các nội dung: Các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Hiểu biết các quân, binh chủng trong quân đội; Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự; Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao và Ba môn quân sự phối hợp.

27. Giáo dục quốc phòng HP 4 **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (22, 16, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Giáo dục quốc phòng HP 1, HP 2 và Hp3.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiểu liên AK và luyện tập bắn súng AK bài 1b; luyện tập ném lựu đạn bài 1; huấn luyện những động tác cơ bản chiến thuật chiến đấu bộ binh: các tư thế vận động trên chiến trường, cách quan sát phát hiện mục tiêu, lợi dụng địa hình, địa vật, hành động của cá nhân trong công sự, ngoài công sự trong chiến đấu tiến công và phòng ngự. Nội dung bao gồm: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; ném lựu đạn bài 1; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (107 tín chỉ)

28. Kỹ thuật điện **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ thuật điện trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Mạch điện: Kiến thức cơ bản về 2 định luật Kirhof, các phương pháp phân tích mạch: biến đổi tương đương, phương pháp nhánh – dòng - thế nút. Áp dụng số phức để giải bài toán xác lập điều hòa, mạch hỗ cảm, mạch ba pha đối xứng và không đối xứng. Máy điện: các kiến thức cơ bản về máy biến áp, máy điện một chiều, máy điện xoay chiều không đồng bộ và đồng bộ. Nội dung bao gồm cấu tạo, nguyên lí làm việc, từ trường trong máy điện, các quan hệ điện từ, các đặc tính làm việc cơ bản, ưu nhược điểm của các máy điện thông dụng và những ứng dụng của chúng trong công nghiệp và dân dụng

29. Vẽ kỹ thuật **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36, 18, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Vẽ kỹ thuật là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo ngành CN May. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng ứng dụng vẽ kỹ thuật để xây dựng đồ thức của các đối tượng hình học và giải các bài toàn hình học trên mặt phẳng biểu diễn; các tiêu chuẩn về bản vẽ kỹ thuật; các kiến thức về phương pháp xây dựng các hình biểu diễn của vật thể, thiết lập các bản vẽ chi tiết và bản vẽ phẳng sản phẩm may cơ bản; Đọc, hiểu và vẽ khai triển từ các bản vẽ sản phẩm cơ bản. Từ đó, giúp người học có những kiến thức, kỹ năng để biểu diễn các đối tượng thực tế cũng như ý tưởng thiết kế của mình bằng các hình vẽ trên các mặt phẳng hình chiếu và hình dung được vật thể qua bản vẽ.

30. Vẽ mỹ thuật ngành may **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Vẽ mỹ thuật ngành may là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Nội dung của học phần gồm những kiến thức cơ bản về hình họa, phương pháp sử dụng các dụng cụ vẽ, quy trình thực hiện bài vẽ hình theo mẫu hiện vật, thực hiện các bài vẽ các hình khối cơ bản, thực hiện các bài vẽ màu sắc cơ bản.

31. Mỹ thuật trang phục **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36, 18, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Mỹ thuật trang phục là học phần kiến thức cơ sở của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần cung cấp kiến thức về mỹ thuật trong trang phục: khái niệm trang phục, lịch sử hình thành và phát triển trang phục Thế giới và Việt Nam, vai trò và chức năng của trang phục, các yếu tố mỹ thuật trong thiết kế trang phục, các quan hệ tạo hình trong trang phục, phong cách thời trang, đánh giá, phân tích giá trị thẩm mỹ trang phục.

32. Vật liệu may **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36, 18, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần vật liệu may là học phần học đầu tiên trong khối kiến thức ngành Công nghệ may trong chương trình đạo đại học ngành Công nghệ may. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên liệu dệt, nguyên phụ liệu may

và công nghệ xử lý hoàn tất sản phẩm dệt may, từ đó tạo cơ sở trong việc lựa chọn vật liệu may sao cho phù hợp và đảm bảo tính sử dụng cao.

33. An toàn công nghiệp và môi trường **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (28, 4, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:* An toàn công nghiệp và môi trường là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: công tác bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện lao động, kỹ thuật an toàn ,vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ tại các công đoạn sản xuất trong ngành may.

34. Thiết bị may công nghiệp **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần thiết bị may công nghiệp là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản, cốt lõi của các thiết bị cơ bản trên dây chuyền may. Nội dung bao gồm quá trình tạo thành các mũi may; cấu tạo, nguyên lý làm việc, quy trình vận hành thiết bị và phương pháp khắc phục một số loại sai hỏng thông thường của các thiết bị cơ bản trên dây chuyền may.

35. Quản lý chất lượng trong may công nghiệp **Số TC 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản lý chất lượng trong may công nghiệp là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ may. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về: chất lượng sản phẩm, phương pháp đánh giá và tổ chức quản lý chất lượng sản phẩm trong sản xuất may công nghiệp. Nội dung bao gồm các khái niệm về chất lượng sản phẩm và quản lý chất lượng sản phẩm, các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm may, các phương pháp quản lý chất lượng (I,QC,QA, TQC, TQM, tiêu chuẩn ISO), phương thức kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm trong các công đoạn sản xuất may

36. Hình họa thời trang **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Vẽ mỹ thuật ngành may

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Hình họa thời trang là học phần kiến thức cơ sở của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Nội dung của học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về đặc điểm hình dáng, tỉ lệ cơ thể người, phương pháp phác họa mẫu cơ thể người với các lứa tuổi, vẽ mẫu vật liệu, vẽ mẫu trang phục trên cơ thể người.

37. Công nghệ sản xuất sản phẩm may trong công nghiệp SỐ TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (28, 4, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Công nghệ sản xuất sản phẩm may trong công nghiệp là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị những nội dung về qui trình công nghệ sản xuất quần áo trong may công nghiệp với các phương thức sản xuất khác nhau và qui trình sản xuất của từng công đoạn trong may công nghiệp.

38. Thiết kế trang phục 1: Cơ sở thiết kế trang phục Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (28, 4, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thiết kế trang phục 1 là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành công nghệ dệt, may. học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các dấu hiệu nhân trắc và đặc điểm hình dáng của cơ thể người việt nam. biết được quy trình xây dựng hệ thống cỡ số trang phục và xác định lượng cử động phù hợp với trang phục cơ bản.

39. Thiết kế trang phục 2: thiết kế quần âu, áo sơ mi nam và nữ Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36,18,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Thiết kế TP1
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thiết kế trang phục 2: Thiết kế quần âu, áo sơ mi nam và nữ là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành Công nghệ may. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khái quát chung về phương pháp thiết kế trang phục, phương pháp thiết kế các bộ phận của quần âu và áo sơ mi nam và nữ. Trên cơ sở đó sinh viên có thể thiết kế được hoàn chỉnh các sản phẩm quần âu nam nữ, áo sơ mi nam nữ cơ bản đạt yêu cầu.

40. Công nghệ may 1: công nghệ may áo sơ mi nam, nữ SỐ TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Công nghệ may 1 là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về kỹ thuật sử dụng các dụng cụ nghề may, kỹ thuật may các đường may cơ bản và các thao tác bổ trợ đối với các loại hình đường may; Kỹ thuật gia công các chi tiết bộ phận của áo sơ mi.

41. Công nghệ may 2: kỹ thuật gia công các SP quần âu, áo sơ mi nam, nữ SỐ TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Công nghệ may 1
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Công nghệ may 2 là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo Đại học ngành Công nghệ Dệt, may. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về phương pháp khai thác cấu tạo, phương pháp may các bộ phận chủ yếu của sản phẩm quần âu nam, nữ. Xây dựng may dạng sơ đồ hình khối, bảng quy trình công nghệ, sơ đồ hình cây của các sản phẩm khác nhau.

42. Thực hành 1: thực hành cắt may áo sơ mi nam, nữ SỐ TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (0, 160, 120)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành 1: thực hành cắt may áo sơ mi nam, nữ là học phần thực hành ban đầu của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng may các đường may cơ bản, may các bộ phận chủ yếu của áo sơ mi đạt yêu cầu kỹ thuật. Kỹ năng cắt và may hoàn chỉnh áo sơ mi nam, nữ đảm bảo yêu cầu chất lượng và thời gian quy định.

43. Thực hành 2: thực hành cắt may quần âu nam, nữ SỐ TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 120, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Thực tập 1
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành cắt may quần âu cơ bản là học phần thực hành của chương trình đào tạo Đại học ngành Công nghệ may. Học phần này được bố trí thực hiện sau học phần thực hành maycác đường may cơ bản, các bộ phận chủ yếu áo sơ mi nam, nữ và thực hành cắt may áo sơ mi nam, nữ. Học phần đề cập tới những nội dung cơ bản có liên quan kỹ năng thực hành cơ bản về may các bộ phận chủ yếu của quần âu và thực hành cắt may quần âu nam nữ để đảm bảo yêu cầu chất lượng sản phẩm và thời gian quy định.

44. Tin ứng dụng chuyên ngành công nghệ may SỐ TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (24, 42, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không có
- *Học phần học trước*: Thiết kế 4

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần tin ứng dụng chuyên ngành công nghệ may là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Trang bị cho sinh viên sử dụng, khai thác, ứng dụng phần mềm chuyên ngành Gerber AccuMark để thiết kế mẫu kỹ thuật, nhảy mẫu, giác sơ đồ, định mức nguyên liệu của sản phẩm may công nghiệp.

45. Thiết kế thời trang **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Vẽ mỹ thuật ngành may, Mỹ thuật trang phục, Hình họa thời trang
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thiết kế thời trang là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: mốt và thời trang, quá trình sáng tác mẫu; khái niệm, vai trò, ý nghĩa của nguồn sáng tác trong thiết kế thời trang, phương pháp lựa chọn và nghiên cứu nguồn sáng tác trong thiết kế thời trang phù hợp các mục đích và chủ đề; khái niệm, đặc điểm của biểu tượng thời trang và phương pháp xây dựng biểu tượng thời trang để sáng tác mẫu trang phục mới dựa trên nghiên cứu nguồn sáng tác.

46. Sáng tác mẫu thời trang **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Thiết kế thời trang
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Sáng tác mẫu thời trang là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: khái niệm và phân loại dòng sản phẩm thời trang; khái niệm chủ đề sáng tác trong thiết kế thời trang, phương pháp lựa chọn và nghiên cứu chủ đề sáng tác phù hợp yêu cầu; tính đồng bộ trong thiết kế thời trang; phương pháp lựa chọn nghiên cứu chủ đề sáng tác, lựa chọn biểu tượng thời trang để sáng tác bộ sưu tập mẫu.

47. Thiết kế trang phục 5: Thiết kế mẫu trên manocanh **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36,18,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Thiết kế trang phục 1,2; Công nghệ may 1,2; Sáng tác mẫu thời trang
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thiết kế mẫu trên manocanh là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần gồm những nội dung về khái quát thiết kế mẫu trên manocanh; quy trình thiết kế mẫu trên manocanh, phương pháp thiết kế mẫu phủ, mẫu cắt trang phục (áo, váy nữ cơ bản) trên manocanh. Trên cơ sở bộ mẫu

cắt áo, váy nữ cơ bản thiết kế mẫu trang phục thời trang bằng các kỹ thuật tạo mẫu mà không dùng tới công thức.

48. Đồ án thiết kế thời trang **SỐ TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (0, 120, 0)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Sáng tác mẫu thời trang, Thiết kế trang phục 5
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Đồ án Thiết kế thời trang là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần giúp sinh viên có khả năng tư duy tổng hợp các kiến thức, kỹ năng của các học phần trước đã được học, đặc biệt với các môn học về thời trang như: Vẽ mỹ thuật ngành may, Mỹ thuật trang phục, Hình họa thời trang, Thiết kế thời trang, Thiết kế trang phục và Sáng tác mẫu thời trang,... Sinh viên phải hoàn thành được các công việc: nghiên cứu cơ sở sáng tác mẫu, phác họa mẫu sản phẩm và xây dựng hồ sơ kỹ thuật cho sản phẩm mẫu thời trang sáng tác mới.

49. Thực hành 5: Thực hành sản phẩm thời trang **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 120, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Sáng tác mẫu thời trang, Thiết kế trang phục 5
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực tập sản phẩm thời trang là học phần thực hành của chương trình đào tạo Đại học ngành Công nghệ may. Học phần rèn luyện kỹ năng thực hành tay nghề với các bước: Thiết kế bộ mẫu cắt một số sản phẩm thời trang bằng phương pháp mô hình ghim trên manocanh trên cơ sở bản vẽ mẫu sáng tác; chọn mẫu vật liệu; rập mẫu trên vật liệu từ mẫu cứng; thực hiện công nghệ lắp ráp hoàn thiện mẫu; thử mẫu.

Kiến thức tự chọn chung của ngành

50. Thực tập sản xuất 1 **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 180, 0)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Thực hành 1; Thực hành 2;
- *Tóm tắt nội dung học phần:* học phần này nhằm giúp cho sinh viên làm quen với thực tế sản xuất và các công đoạn tại một doanh nghiệp sản xuất của ngành công nghiệp may (tìm hiểu về quá trình thiết kế kỹ thuật và thiết kế công nghệ sản phẩm quần âu, áo sơ mi nam và nữ tại doanh nghiệp).

51. Thực tập sản xuất 2 **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 180, 0)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Thực hành 1,2,3,4

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này nhằm giúp cho sinh viên làm quen với thực tế sản xuất và các công đoạn tại một doanh nghiệp sản xuất của ngành công nghiệp may (tìm hiểu về quá trình thiết kế kỹ thuật và thiết kế công nghệ sản phẩm áo jacket một lớp tại doanh nghiệp).

52. Thực tập sản xuất 3 **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 180, 0)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Thực tập 1,2,3,4
- *Tóm tắt nội dung học phần:* học phần này nhằm giúp cho sinh viên làm quen với thực tế sản xuất và các công đoạn tại một doanh nghiệp sản xuất của ngành công nghiệp may (tìm hiểu về quá trình thiết kế kỹ thuật và thiết kế công nghệ sản phẩm áo jacket nhiều lớp tại doanh nghiệp).

53. Sáng tác mẫu thời trang trẻ em **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36,18,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Thiết kế thời trang
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Sáng tác mẫu thời trang trẻ em là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: nghiên cứu đối tượng sử dụng thời trang trẻ em; phương pháp lựa chọn và nghiên cứu đề tài trong thiết kế thời trang trẻ em; nghiên cứu phong cách và xu hướng; sáng tác mẫu sản phẩm thời trang trẻ em.

54. Lập kế hoạch sản xuất may công nghiệp **SỐ TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (24, 12, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Công nghệ may 3, 4
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở để lập kế hoạch, nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch và tiến độ sản xuất cho các bộ phận sản xuất trong 2 may công nghiệp. Phương pháp kiểm soát việc thực hiện kế hoạch sản xuất của các bộ phận sản xuất trong may công nghiệp.

55. Quản lý đơn hàng (Merchandising) **SỐ TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (24, 12, 60
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Lập kế hoạch sản xuất may công nghiệp; Quản lý chất lượng trong may công nghiệp.
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về công tác Quản lý đơn hàng (QLĐH) ngành May từ giai đoạn tiếp nhận thông tin, phát triển mẫu,

may mẫu tiền sản xuất, theo dõi triển khai sản xuất đến thanh lý hợp đồng và các yêu cầu cầu cần thiết đối với nhân viên QLĐH. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho sinh viên cách thức tính giá sản phẩm may, đọc hiểu tài liệu kỹ thuật, các phương thức xuất nhập khẩu hàng may mặc, kê khai hàng hóa và cách soạn thảo một hợp đồng gia công may mặc.

56. Marketing ngành may **SỐ TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (24, 12, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Marketing ngành may là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Marketing; Phương pháp nghiên cứu thị trường; Các quyết định về sản phẩm; Các quyết định về giá của sản phẩm; Các quyết định về phân phối sản phẩm; Các kỹ thuật yểm trợ marketing. Trên cơ sở đó, sinh viên hiểu và thực hiện được các công việc trong quy trình sản xuất và kinh doanh các đơn hàng nội địa trong doanh nghiệp may.

**** CÁC HỌC PHẦN THUỘC MÔ ĐUN CÔNG NGHỆ MAY***

57. Công nghệ may 3: Công nghệ may áo jacket nam, nữ và áo veston nam SỐ TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Công nghệ may 2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Công nghệ may 3 là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo Đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về phương pháp khai thác cấu tạo, phương pháp may các bộ phận của áo jacket, veston. Xây dựng qui trình may dạng sơ đồ khối, bảng quy trình công nghệ, sơ đồ cây của các loại sản phẩm khác nhau.

58. Công nghệ may 4: Xây dựng tài liệu kỹ thuật mã hàng **SỐ TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (27, 6, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Công nghệ may 1,2,3

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Công nghệ may 4 là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ may. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng tài liệu kỹ thuật công nghệ may mã hàng cụ thể: áo sơ mi, quần âu, jacket.

59. Thiết kế dây chuyền may công nghiệp **SỐ TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (24, 12, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Công nghệ may 1,2,3; Tổ chức quản lý may CN

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần thiết bị may công nghiệp là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản, cốt lõi của các thiết bị cơ bản trên dây chuyền may. Nội dung bao gồm quá trình tạo thành các mũi may; cấu tạo, nguyên lý làm việc, quy trình vận hành thiết bị và phương pháp khắc phục một số loại sai hỏng thông thường của các thiết bị cơ bản trên dây chuyền may.

60. Thiết kế trang phục 3: Thiết kế áo jacket nam, nữ và áo veston nam SỐ TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36, 18, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Thiết kế trang phục 2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần thiết kế trang phục 3 là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo ngành công nghệ dệt, may. học phần trang bị các kiến thức cơ bản về cách phân loại đặc điểm hình dáng của áo veston nam, áo jacket nam và nữ; phương pháp tính toán kích thước và dựng hình thiết kế các chi tiết của sản phẩm và thiết kế hoàn chỉnh áo veston nam, áo jacket nam và nữ.

61. Thiết kế trang phục 4: Thiết kế mẫu trong may công nghiệp SỐ TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36, 18, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Thiết kế trang phục 3

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thiết kế mẫu trong may công nghiệp là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần này trang bị các kiến thức cơ bản về kỹ thuật thiết kế các loại mẫu phục vụ sản xuất trong may công nghiệp và xây dựng tài liệu kỹ thuật thiết kế các sản phẩm may.

62. Đồ án công nghệ may SỐ TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (0, 120, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Công nghệ may 4; Thiết kế 4; Thiết kế dây chuyền may CN

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Đồ án công nghệ may là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt,may. Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng cơ bản về :Nghiên cứu sản phẩm mẫu và bản tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm , xây dựng các loại mẫu phục vụ sản xuất, xây dựng định mức phụ liệu và thời gian gia công sản phẩm, thiết kế chuyền may, xây dựng qui trình công nghệ sản xuất cho các công đoạn sản xuất chính

63. Thực hành 3: Thực hành cắt may áo Jacket nam, nữ SỐ TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (0, 120,120)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Thực hành 2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành 3 là học phần thực tập chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành công nghệ dệt, may. học phần này được bố trí thực hiện sau học phần thực tập 1,2 và các học phần kiến thức cơ sở khác. Học phần trang bị và rèn luyện cho sinh viên những nội dung cơ bản có liên quan kỹ năng thực hành về may các bộ phận của áo jacket, cắt may áo jacket cơ bản và các sản phẩm thời trang đảm bảo yêu cầu chất lượng may và thời gian quy định.

Kiến thức tự chọn chuyên ngành

64. Tổ chức quản lý sản xuất may công nghiệp SỐ TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (24, 12, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tổ chức quản lý sản xuất may công nghiệp là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên khái niệm về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của doanh nghiệp; Cơ cấu tổ chức hoạt động của doanh nghiệp may; Tổ chức, quản lý sản xuất tại các công đoạn trong may công nghiệp. Bên cạnh đó môn học cũng giới thiệu các hệ thống sản xuất, cách tính định mức kinh tế, kỹ thuật trong sản xuất may công nghiệp.

65. Thực hành 4: Thực hành cắt may áo veston nam SỐ TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập*: 4(0, 160, 120)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Thực hành 3: Thực hành cắt may áo Jacket nam, nữ

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành cắt may bộ veston nam là học phần thực tập chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần này được bố trí thực hiện sau học phần thực hành cắt may Jacket cơ bản. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cắt may bộ veston nam theo tài liệu kỹ thuật và các yêu cầu chất lượng của sản phẩm.

66. Thiết kế sản phẩm từ vải dệt kim SỐ TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (24, 12, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Thiết kế trang phục 1,2,3

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương pháp thiết kế sản phẩm dệt kim (đặc điểm cấu trúc và tính chất của vải dệt kim, ảnh hưởng của những đặc tính chất của vải dệt kim đến quá trình thiết kế, gia công và sử dụng sản phẩm dệt kim, các phương pháp sản xuất sản phẩm dệt kim và đặc điểm thiết kế).

67. Công nghệ may sản phẩm từ vải dệt kim SỐ TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (24, 12, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Công nghệ may 1, 2, 3, Thiết kế sản phẩm từ vải dệt kim

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Công nghệ may sản phẩm từ vải dệt kim là học phần tự chọn của chương trình đào tạo Đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về phương pháp gia công các bộ phận chủ yếu từ sản phẩm dệt kim. Xây dựng quy trình gia công sản phẩm từ vải dệt kim dạng sơ đồ khối, bảng quy trình công nghệ, sơ đồ cây.

68. Thực hành cắt may sản phẩm từ vải dệt kim **SỐ TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập*: 4(0, 160, 120)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Thực tập 3: Thực tập cắt may áo Jacket nam, nữ

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần thực tập cắt may sản phẩm từ vải dệt kim là học phần thuộc khối kiến thức ngành của ngành công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho sinh viên kỹ thuật cắt, gia công các bộ phận chủ yếu áo, quần từ vải dệt kim. Nhận diện được các dạng sai hỏng xảy ra trong quá trình gia công, giải thích được nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

69. Thực Tập Cuối Khóa **SỐ TC: 5**

- *Phân bố thời gian học tập*: 5(0/300/0)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Thực tập 1, 2, 3, 4

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thực tập cuối khóa là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức chuyên môn của ngành trong chương trình đào tạo ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho Sinh viên: được thâm nhập vào thực tế sản xuất, trực tiếp thực hiện các công việc cụ thể ở công đoạn sản xuất, đánh giá đúng thực trạng của cơ sở tại các công đoạn sản xuất, từ đó tìm ra những vấn đề chưa phù hợp, phân tích nguyên nhân và đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm khắc phục những tồn tại của cơ sở để nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm đáp ứng kịp thời tiến độ giao hàng.

Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành công nghệ may

70. Thực tập doanh nghiệp 1: Thực tập sản xuất may dây chuyền quần âu, áo sơ mi **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 180, 0)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Thực tập chuyên sâu 1,2,3

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học giúp cho sinh viên ứng dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tế sản xuất. Sinh viên sẽ thực tập tại các doanh nghiệp chuyên về

lĩnh vực may mặc và được tham gia trực tiếp vào các công đoạn may sản phẩm trên dây chuyền (sản phẩm áo sơ mi, quần âu nam và nữ).

71. Thực tập doanh nghiệp 2: Thực tập sản xuất may dây chuyền áo jacket nam, nữ

SỐ TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 180, 0)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Thực tập DN1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học giúp cho sinh viên ứng dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tế sản xuất. Sinh viên sẽ thực tập tại các doanh nghiệp chuyên về lĩnh vực may mặc và được tham gia trực tiếp vào các công đoạn may sản phẩm trên dây chuyền **(sản phẩm jacket nam và nữ).**

72. Sáng tác mẫu trên phần mềm tin học **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36, 18, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Thiết kế thời trang

Sáng tác mẫu trên phần mềm tin học là học phần cuối khóa của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ may và Thiết kế thời trang. Học phần được bố trí giảng dạy cuối khóa, gồm những nội dung về đặc điểm, khả năng ứng dụng của phần mềm, các công cụ và kỹ xảo cơ bản áp dụng trong vẽ thiết kế trên máy tính của phần mềm Illustrator.

73. Thực hành cắt may bộ veston nữ **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 120, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Công nghệ may 3; Thiết kế 3; Thực hành 4 *(Thực hành cắt may áo veston nam)*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần thực hành cắt may áo veston nữ là học phần thuộc khối kiến thức ngành của ngành công nghệ dệt, may; Học phần trang bị cho sinh viên phương pháp thiết kế, kỹ thuật cắt, may áo veston nữ; Nhận diện được các dạng sai hỏng xảy ra khi thiết kế và trong quá trình gia công áo veston nữ, giải thích được nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

74. Thực hành cắt may áo dài nữ **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 120, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Vật liệu may; Thiết kế trang phục 1,2,3; Mỹ thuật trang phục.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cắt, may áo dài nữ là học phần tự chọn của chương trình đào tạo ngành Công nghệ dệt, may. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp thiết kế và cắt may áo dài truyền thống, trên cơ sở đó sinh

viên thực hiện thiết kế và cắt may được hoàn chỉnh các sản phẩm áo dài truyền thống và thời trang đạt yêu cầu.

75. Thực hành thiết kế mẫu trong may công nghiệp **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 120, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Thiết kế trang phục 1,2,3,4;
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành thiết kế mẫu trong may công nghiệp là học phần tự chọn của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ may. Học phần này trang bị các kiến thức cơ bản về kỹ thuật thiết kế các loại mẫu phục vụ SX các mã hàng trong may công nghiệp.

**** CÁC HỌC PHẦN THUỘC MÔ ĐUN THIẾT KẾ THỜI TRANG***

76. Bố cục và nhịp điệu **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36,18,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Vẽ mỹ thuật ngành may, Mỹ thuật trang phục
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Bố cục và nhịp điệu là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: khái quát các dạng bố cục và nhịp điệu trong Mỹ thuật ứng dụng, từ đó liên hệ và đưa bố cục và nhịp điệu vào trong thiết kế thời trang; hiệu quả thị giác của bố cục và nhịp điệu ảnh hưởng tới Mỹ thuật ứng dụng.

77. Trang trí màu **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36,18,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Vẽ mỹ thuật ngành may
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Trang trí màu là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần cung cấp những nội dung về trang trí bố cục màu, các yếu tố cơ bản trong trang trí màu; yếu tố chính, phụ, trung gian trong tranh bố cục màu thể hiện thông qua sắc độ màu, độ lớn, độ phức tạp của hình; Phương pháp cách điệu các đối tượng từ cơ bản đến phức tạp từ đó sáng tác tranh bố cục màu bằng chất liệu màu bột và Quy trình thực hiện một bài trang trí bố cục màu.

78. Thực hành hình họa thời trang **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 120, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Vẽ mỹ thuật ngành may, Hình họa thời trang
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành hình họa thời trang là học phần thực hành chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần cung

cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các loại nét sử dụng trong vẽ hình họa; phương pháp xây dựng bố cục, dựng hình, đánh bóng hoàn thiện một bài vẽ hình họa đầu tượng; thực hành vẽ hình họa đầu tượng thạch cao.

79. Diễn họa thời trang **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36,18,90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Hình họa thời trang
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Diễn họa thời trang là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần gồm những nội dung về diễn họa chân dung thời trang, diễn họa dáng thời trang bằng chất liệu chì và màu nước; diễn họa chất liệu thời trang cơ bản bằng chất liệu chì màu, màu nước.

80. Thực hành thời trang nâng cao 1 **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 120, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Thiết kế trang phục 5, Thực tập 5
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành thời trang nâng cao 1 là học phần thực hành chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần cung cấp những nội dung về phương pháp nghiên cứu tiền sáng tác; phương pháp nghiên cứu, phân tích tổng hợp về phong cách, xu hướng thời trang; lựa chọn nguồn sáng tác và thiết kế hệ thống phác thảo phù hợp với yêu cầu khách hàng; thực hiện mẫu sản phẩm với chất liệu và tỷ lệ thực tế.

81. Thực hành thời trang nâng cao 2 **SỐ TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (0, 160, 120)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Thực hành thời trang nâng cao 1
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực hành thời trang nâng cao 2 là học phần thực hành chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần gồm những nội dung: Sáng tác BST thời trang dạ hội, trình diễn ấn tượng; Thiết kế kỹ thuật BST bằng phương pháp mô hình ghim hoặc công thức; Lựa chọn mẫu nguyên vật liệu; Cắt mẫu trên vật liệu từ mẫu rập; Thực hiện công nghệ may lắp ráp hoàn thiện mẫu; Trang trí xử lý bề mặt chất liệu; Thử mẫu; Quảng bá trình diễn BST.

Kiến thức tự chọn chuyên ngành

82. Đồ họa thời trang **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Diễn họa thời trang

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Đồ họa thời trang là học phần chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về yếu tố đồ họa trong thời trang, cách xây dựng những bảng hình ảnh, bảng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vào xử lý những ấn phẩm đồ họa thời trang; Phương pháp xây dựng kết cấu, bản vẽ công nghệ thời trang, từ đó góp phần thực hiện quá trình nghiên cứu và thể hiện ý tưởng sáng tác thời trang.

83. Kỹ thuật sáng tác chất liệu **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Bố cục và nhịp điệu, Trang trí màu
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kỹ thuật sáng tác chất liệu là học phần chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản: những phương pháp trang trí vải, không chỉ những phương pháp thủ công truyền thống, mà cả những phương pháp với những công nghệ mới. Học phần kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, tìm tòi và nghiên cứu về nhiều phương pháp khác nhau giúp người học làm quen với việc tu duy chủ động khai thác kiến thức, sắp xếp thông tin và xây dựng thư viện kiến thức riêng cho bản thân.

84. Sáng tác mẫu thời trang theo thương hiệu **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Sáng tác mẫu thời trang
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Sáng tác mẫu thời trang theo thương hiệu là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: thương hiệu thời trang, phong cách của thương hiệu thời trang, phương pháp nghiên cứu đặc điểm của phong cách và sáng tác mẫu thời trang theo phong cách của thương hiệu đã nghiên cứu.

85. Cơ sở văn hóa Việt Nam **SỐ TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (24, 12, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: các khái niệm cơ bản về văn hóa và văn hóa học, định vị văn hóa Việt Nam và tiến trình văn hóa Việt Nam qua các thời kỳ.

86. Sáng tác mẫu trang trí vải **SỐ TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (24, 12, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Bố cục và nhịp điệu, Trang trí màu

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Sáng tác mẫu trang trí vải là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: các khái niệm cơ bản về trang trí vải, phương pháp vẽ sáng tác các mẫu hoa văn trang trí vải theo các dạng bố cục khác nhau, vẽ sáng tác các mẫu trang trí vật liệu phục vụ thiết kế thời trang.

87. Kỹ thuật trang trí vải **SỐ TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (24, 12, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Sáng tác mẫu trang trí vải

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kỹ thuật trang trí vải là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung: kiến thức cơ bản về in hoa trang trí trên vải, các phương pháp in hoa, nguyên lý tạo vân hoa và kỹ thuật tạo khuôn in, vật liệu in hoa, kỹ thuật in hoa trang trí vải phục vụ cho sáng tác mẫu thời trang.

88. Trang phục các dân tộc Việt Nam **SỐ TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (24, 12, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Mỹ thuật trang phục

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Trang phục các dân tộc Việt Nam là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung: kiến thức chung về trang phục các dân tộc Việt Nam, những đặc trưng của trang phục các dân tộc Việt Nam, trang phục các dân tộc ở đồng bằng châu thổ sông Hồng, trang phục các dân tộc ở vùng núi phía Bắc, trang phục các dân tộc ở miền Trung – Nam bộ, trang phục các dân tộc ở Tây Nguyên

89. Thực Tập Cuối Khóa **SỐ TC: 5**

- *Phân bố thời gian học tập*: 5(0/300/0)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Thực tập 1, 2, 5; Thực tập thời trang nâng cao 1, 2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thực tập cuối khóa là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức chuyên môn của ngành trong chương trình đào tạo ngành Công nghệ dệt, may. Học phần trang bị cho Sinh viên các kiến thức để: được thâm nhập vào thực tế sản xuất, trực tiếp thực hiện các công việc cụ thể ở công đoạn nghiên cứu phát triển mẫu, công đoạn sản xuất, đánh giá thực trạng của cơ sở tại các công đoạn sản xuất, từ đó tìm ra những vấn đề chưa

phù hợp, phân tích nguyên nhân và đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm khắc phục những tồn tại của cơ sở để nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu xã hội.

Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành TKTT

90. Thực tập sản xuất 1 **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 180, 0)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Thực tập chuyên sâu 1, 2, 3

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tế sản xuất. Sinh viên sẽ thực tập tại các doanh nghiệp chuyên về lĩnh vực may mặc thời trang và được tham gia trực tiếp vào các công đoạn may sản phẩm trên dây chuyền (sản phẩm áo sơ mi, quần âu nam và nữ).

91. Thực tập sản xuất 2 **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 180, 0)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Thực tập sản xuất 1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tế sản xuất. Sinh viên sẽ thực tập tại các doanh nghiệp chuyên về lĩnh vực may mặc thời trang và được tham gia trực tiếp vào các công đoạn may sản phẩm trên dây chuyền (sản phẩm jacket nam và nữ).

92. Thực tập sản xuất 3 **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 180, 0)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Thực tập sản xuất 2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tế sản xuất. Sinh viên sẽ thực tập tại các doanh nghiệp chuyên về lĩnh vực may mặc thời trang và được tham gia trực tiếp vào các công đoạn may sản phẩm trên dây chuyền (sản phẩm áo váy, veston nam, nữ).

93. Sáng tác mẫu thời trang theo kỹ thuật làng nghề **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36, 18, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Thiết kế thời trang, Sáng tác mẫu thời trang

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Sáng tác mẫu thời trang theo kỹ thuật làng nghề là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: khái niệm và phân loại dòng sản phẩm thời trang; khái niệm chủ đề sáng tác trong thiết kế thời trang theo kỹ thuật làng

nghề, phương pháp lựa chọn và nghiên cứu chủ đề sáng tác phù hợp yêu cầu chủ đề làng nghề; tính đồng bộ trong thiết kế thời trang làng nghề; phương pháp lựa chọn nghiên cứu chủ đề sáng tác làng nghề, lựa chọn biểu tượng thời trang để sáng tác bộ sưu tập mẫu theo chủ đề kỹ thuật làng nghề.

94. Sáng tác mẫu thời trang bền vững **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Thiết kế thời trang, Sáng tác mẫu thời trang
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Sáng tác mẫu thời trang bền vững là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: khái quát thời trang bền vững; lựa chọn phong cách, phân tích xu hướng thời trang và lựa chọn chủ đề sáng sác trong thời trang bền vững; phân tích đối tượng sử dụng; sáng tác mẫu sản phẩm thời trang bền vững.

95. Sáng tác mẫu thời trang thể thao **SỐ TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Thiết kế thời trang, Sáng tác mẫu thời trang
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Sáng tác mẫu thời trang thể thao là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ dệt, may. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: khái quát về thời trang thể thao và phong cách thể thao; lựa chọn phong cách kết hợp trong sáng tác trang phục phong cách thể thao; phân tích xu hướng thời trang và lựa chọn chủ đề sáng tác trang phục thể thao; phân tích đối tượng sử dụng sản phẩm; sáng tác mẫu sản phẩm thời trang thể thao.

14. Hướng dẫn thực hiện

14.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:
  - Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
  - Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
  - Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.
- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

+ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 09 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

+ Quyết định số 834/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 09 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Và các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; các quy định hiện hành trong nhà trường: chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giáo viên.

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

14.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4,5 năm, chia thành 9 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.

- Học tập: 15 tuần
- Thi học kỳ, dự trữ:
- Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)

o Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:

- Nghỉ hè.
- Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
- Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

15. Đánh giá và cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo

Định kỳ tối thiểu 2 năm một lần, Trưởng khoa quản lý chương trình đào tạo tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được điều chỉnh cập nhật.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long